GIA PHẢ HỌ ĐINH NHO
Ở HƯƠNG SƠN — HÀ TĨNH

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

Tập hợp toàn bộ các sơ đồ phả hệ (đời 8 – đời 19)

Chi Trưởng (A) · Chi Thứ (B) · Các nhánh hiển đạt

Phiên bản tái lập từ bản gốc Gia phả (Canh Thìn 2000)
đọc và chép lại các sơ đồ bằng thị giác (không qua OCR)

MỤC LỤC CÁC SƠ ĐỒ

Ghi chú dẫn nhập. *Tập này gồm 21 sơ đồ phả hệ được tái lập trung thành từ bản gốc. Họ Đinh Nho chia hai chi từ đời 8:* **Chi Trưởng (A)** *— dòng Nho Trạch (nền vàng nhạt), và* **Chi Thứ (B)** *— dòng Nho Thận (nền đỏ nhạt). Mỗi sơ đồ kèm ảnh bản gốc để đối chiếu.*

Trang gốc	Sơ đồ	Nội dung
Trang 181	NHO TRẠCH	Chi Trưởng — Đời thứ 8A đến đời thứ 13A
Trang 182	NHO TRẠCH (tiếp theo)	Chi Trưởng — Đời 13A đến đời 19A
Trang 183	NHO TRẠCH — Nhánh Nho Bạc	Chi Trưởng — Đời 13 đến đời 19
Trang 184	ĐINH NHO QUANG	Tuần phủ Phú Yên (1825–1897) — nhánh hiển đạt, từ đời 14
Trang 185	ĐINH NHO ĐIỂN	Tiến sĩ khoa 1875 (1846–1884) — nhánh hiển đạt, từ đời 14
Trang 186	NHO TỈNH · NHO NHIẾP	Nhánh Nho Cử – Nho Khải (chi A)
Trang 187	NHO KHÁNH · VĂN HẢO	Chi A — Đời 12 đến đời 18
Trang 188	NHO DUNG · NHO HIẾU · NHO DIỆU	Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 18
Trang 189	NHO HỢP	Chi A — Đại chi, đời 12 đến đời 19
Trang 190	NHO TRỊ · NHO HÙNG · NHO ÁNG	Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 19
Trang 191	NHO THẬN — Lược đồ 9B–13B	Chi Thứ (cadette) — Thuỷ tổ chi B, đời 8B đến đời 13B
Trang 192	Tiểu chi VĂN NHƯ · KHẮC KHÂM	Chi Thứ — Lược đồ II, đời 13B đến đời 18B
Trang 193	NHO HOÀ → NHO TRÍ	Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B (dòng Xuân Bính · Xuân Thịnh · Xuân Vinh)
Trang 194	NHO KIÊM · VĂN ĐỆ	Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B
Trang 195	NHO CỬ · NHO LUNG · NHO HUYỆN	Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B
Trang 196	NHO NGỤ	Chi Thứ — Đời 13B đến đời 17B
Trang 197	NHO ĐẢN → NHO TÂN	Chi Thứ — đến đời 18B (dòng Nho Bính · Nho Huệ · Nho Vị · Nho Cự)
Trang 198	NHO ĐẢN → VIỆT TÂN · NHO PHONG	Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B
Trang 199	VĂN TRANG · VĂN TOÀN · VĂN LƯƠNG · NHO CHÂN · NHO TRỤ	Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B
Trang 200	VĂN ĐÌNH · VĂN THƯỢC · NHO LAM	Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B
Trang 229	NHO CHÂN (chi ô Hải)	Chi Thứ — Sơ đồ chép tay bổ sung, đời 13B đến đời 18B

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH

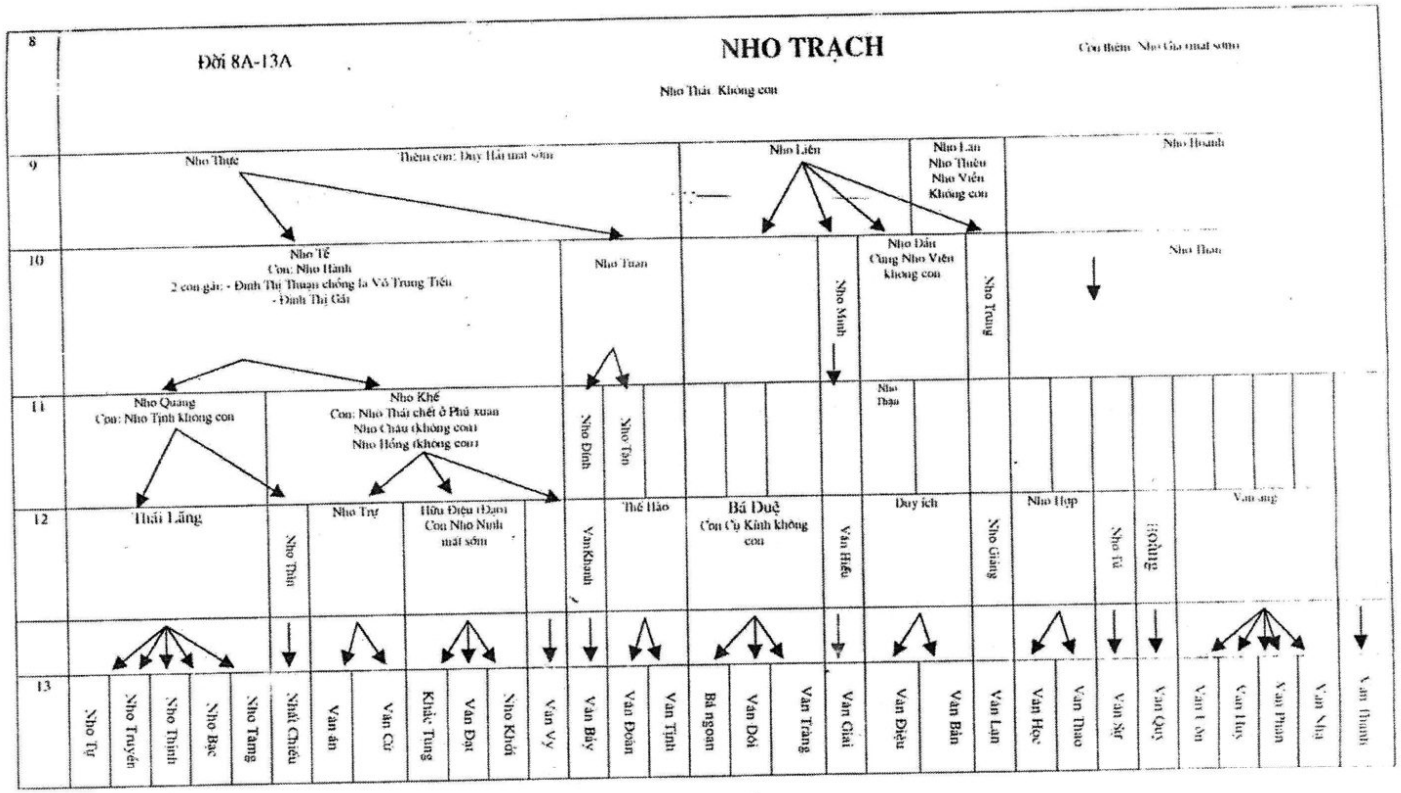
Chi Trưởng — Đời thứ 8A đến đời thứ 13A

Nguyên bản: *sơ đồ gốc trình bày theo chiều ngang, mỗi cột là một đời (8 → 13), các mũi tên chỉ quan hệ cha → con. Bảng dưới đây tái lập trung thành cấu trúc đó.*

ĐỜI 8	ĐỜI 9	ĐỜI 10	ĐỜI 11	ĐỜI 12	ĐỜI 13
Nho Trạch *Thuỷ tổ chi A — đời 8*	**Nho Thức**	**Nho Tế** *con: Nho Hành* *2 con gái: Đinh Thị Thuận (chồng là Võ Trọng Tiến); Đinh Thị Gái*	**Nho Quang** *con: Nho Tịnh không con*	**Thái Lăng**	**Nho Tự**
					Nho Truyền · Nho Thịnh · Nho Bạc · Nho Tăng
			Nho Khế *con: Nho Thái (chết ở Phú Xuân) Nho Châu (không con); Nho Hồng (không con)*	**Nho Trị**	**Nhất Chiếu**
				Hữu Điều (Đạm) *con Nho Ninh mất sớm*	**Văn Ân**
					Văn Cừ · Khắc Tùng
					Văn Đạt · Nho Khởi
	Nho Huân *con thêm: Duy Hải mất sớm*	**Nho Tuân**	**Nho Đính**	**Văn Khanh**	**Văn Vy · Văn Bảy**
			Nho Tản	**Thế Hào**	**Văn Đoàn**
					Văn Tịnh
	Nho Hoàn	**Nho Liên**	**Bá Duệ** *con Cụ Kính không con*	**Bá ngoan · Văn Đối · Văn Tràng**	
			Nho Minh	**Văn Hiếu**	**Văn Giai**
		Nho Lan · Nho Thiều · Nho Viễn *không con*	**Nho Dần (cùng Nho Viễn không con) · Nho Trung**	**Duy Ích**	**Văn Điệu · Văn Bản · Văn Lan**
		Nho Hoành	**Nho Thận · Nho Hợp · Nho Tứ · Hoằng · Văn Ung · Nho Đản**		**Văn Học · Văn Thao · Văn Sử · Văn Quý · Văn Côn · Văn Huy · Văn Phan · Văn Nha · Văn Thanh**

Ghi chú: *bảng tái lập từ sơ đồ trang 181 (đọc bằng thị giác, không qua OCR). Các ô gộp theo hàng/cột thể hiện đúng quan hệ cha–con của nguyên bản.*

Nguyên bản trang 181 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH (tiếp theo)

Chi Trưởng — Đời 13A đến đời 19A

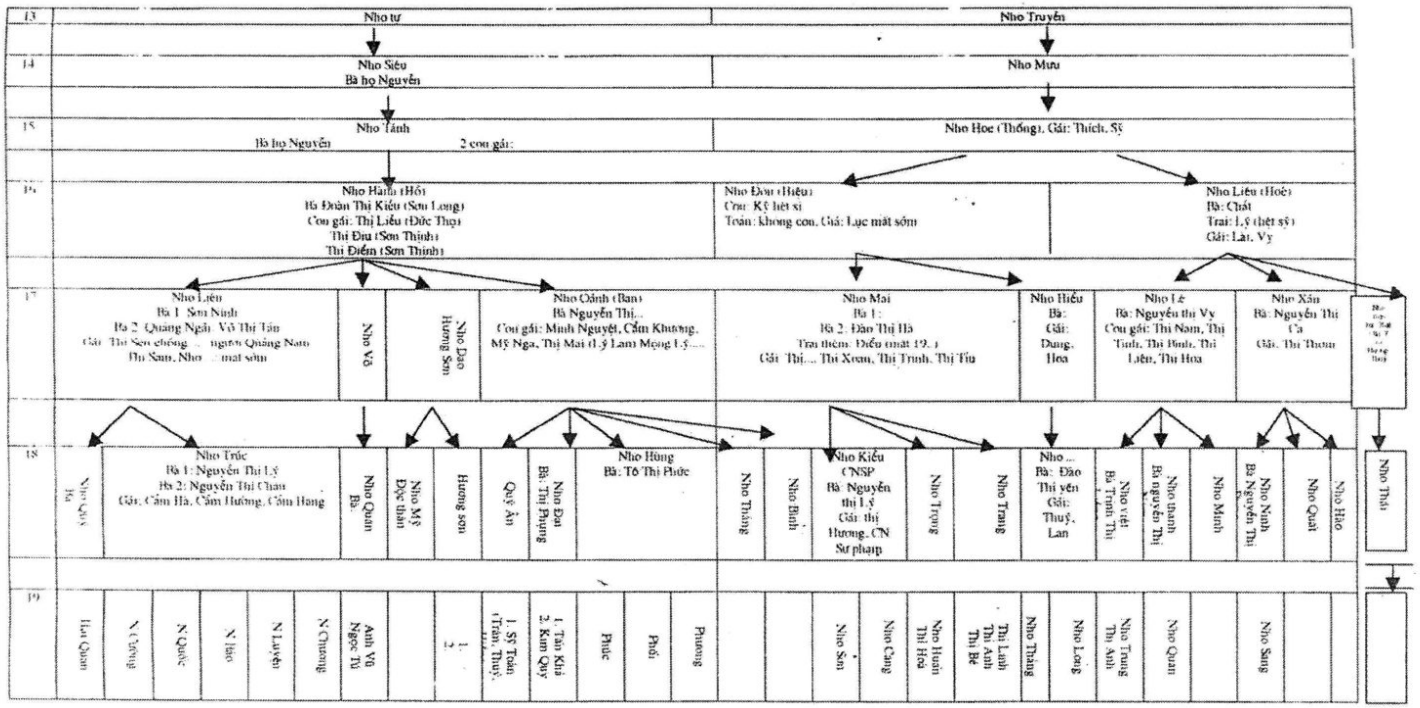
Nguyên bản: *phần nối tiếp của sơ đồ NHO TRẠCH, khởi từ Nho Tự và Nho Truyền (đời 13) phát triển xuống đời 19.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th><th>ĐỜI 19</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Nho Tự</td><td rowspan="4">Nho Siêu
Bà họ Nguyễn</td><td rowspan="4">Nho Tánh
Bà họ Nguyễn
2 con gái</td><td rowspan="2">Nho Hành (Hổ)
Bà: Đoàn Thị Kiều (Sơn Long)
Con gái: Thị Liễu (Đức Thọ), Thị Đu (Sơn Thịnh), Thị Điểm (Sơn Thịnh)</td><td>Nho Liên
Bà 1: Sơn Ninh; Bà 2: Quảng Ngãi - Võ Thị Tân
Gái: Thị Sen (chồng người Quảng Nam), Thị Sâm; Nho… mất sớm</td><td>Nho Trúc
Bà 1: Nguyễn Thị Lý; Bà 2: Nguyễn Thị Chan
Gái: Cẩm Hà, Cẩm Hường, Cẩm Hạng</td><td>(Nho Quý, Hai Quan, N.Lương, N.Quốc, N.Bảo, N.Luyện, N.Chương)</td></tr>
<tr><td colspan="2">Nho Vô · Nho Đạo (Hương Sơn)</td><td>Anh Võ Ngọc Tú · (1, 2) · Sỹ Toàn (Trần Thuý) · Tân Khả / Kim Quý · Phúc · Phối · Phương</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Oánh (Bản)
Bà: Nguyễn Thị…
Con gái: Minh Nguyệt, Cẩm Khương, Mỹ Nga, Thị Mai (Lý Lam), Mộng Lý…</td><td>Nho Kiều
CNSP — Bà: Nguyễn Thị Lý
Gái: Thị Hương, CN Sư phạm</td><td>Nho Trọng</td><td>Nho Thắng</td><td rowspan="2">Nho Sơn · Nho Cang · Nho Hoan (Thị Hoà) · Thị Lình (Thị Anh, Thị Bé)</td></tr>
<tr><td>Nho… (Bà: Đào Thị Yên; Gái: Thuỷ, Lan)</td><td>Nho Trung</td><td>Nho Long</td></tr>
<tr><td rowspan="3">Nho Truyền</td><td rowspan="3">Nho Mưu</td><td rowspan="3">Nho Hoe (Thống); Gái: Thích, Sỹ</td><td>Nho Đôn (Hiếu)
Con: Ký liệt sĩ Toàn: không con; Gái: Lục mất sớm</td><td rowspan="3">Nho Mai
Bà 1; Bà 2: Đàn Thị Hà Trai thêm: Điều (mất đời 19)
Gái: Thị…, Thị Xoan, Thị Trình, Thị Tiu</td><td>Nho Tường
Bà họ Võ</td><td>Nho Thông</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Liễu (Hoè)
Bà: Chất; Trai: Lý (liệt sỹ)
Gái: Lan, Vy</td><td>Nho Đính
Bà họ Hà</td><td>Nho Trang Thị Anh</td></tr>
<tr><td>Nho Hiếu
Bà: …; Gái: Dung, Hoa</td><td>Nho viết (Bà Trịnh Thị)</td><td>Nho Quan</td></tr>
</table>

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19
				Nho Lê *Bà: Nguyễn thị Vy* *Con gái: Thị Nam, Thị Tịnh, Thị Bình, Thị Liễu, Thị Hoa*	**Nho thanh (Bà Nguyễn Thị)**	**Nho Trang Thị Anh**
					Nho Minh	**Nho Quan**
				Nho Xân *Bà: Nguyễn Thị Cả* *Gái: Thị Thom*	**Nho Ninh (Bà Nguyễn Thị)**	**Nho Sang**
					Nho Quan	
				Nho… (Bà Cử/Thái Thị); Hương Hoà	**Nho Thái**	

Ghi chú: *trang 182 rất dày chữ; một số chú thích trên bản scan mờ đã được ghi theo mức đọc được rõ nhất. Những chỗ không chắc để dấu '…'.*

Nguyên bản trang 182 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRẠCH — Nhánh Nho Bạc

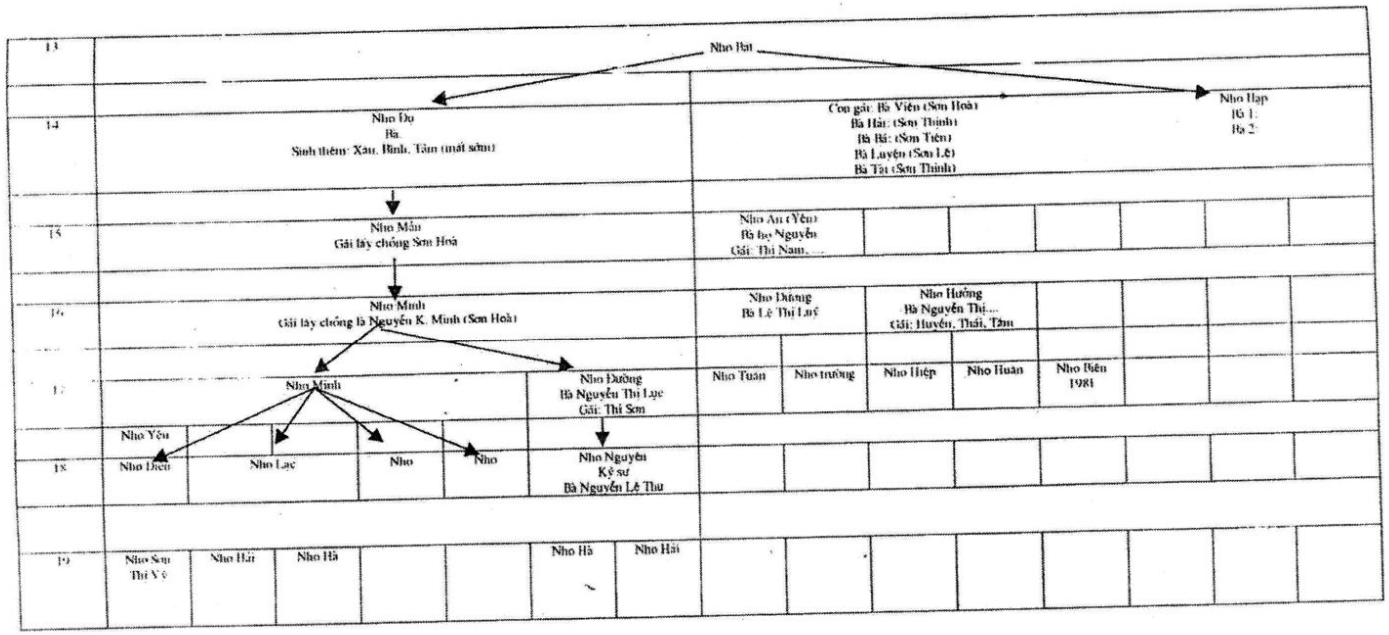
Chi Trưởng — Đời 13 đến đời 19

Nguyên bản: *phát triển dòng Nho Bạc (đời 13) xuống đời 19. Nhiều ô của các nhánh khác để trống trong nguyên bản.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th><th>ĐỜI 19</th></tr>
<tr><td rowspan="4">Nho Bạc</td><td rowspan="2">Nho Đỳ
Bà…
Sinh thêm: Xân, Hình, Tâm (mất sớm)</td><td rowspan="2">Nho Mẫn
Gái lấy chồng Sơn Hoà</td><td rowspan="2">Nho Minh
Gái lấy chồng là Nguyễn K. Minh (Sơn Hoà)</td><td>Nho Minh</td><td>Nho Yêu · Nho Diện · Nho Lạc · Nho… · Nho…</td><td>Nho Sơn (Thị Vý) · Nho Hải · Nho Hà</td></tr>
<tr><td>Nho Đường
Bà Nguyễn Thị Lạc
Gái: Thị Sơn</td><td>Nho Nguyên (Kỳ sư; Bà Nguyễn Lê Thu)</td><td>Nho Hà · Nho Hải</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho An (Yên)
Bà họ Nguyễn
Gái: Thị Nam…</td><td rowspan="2">Nho Dưỡng
Bà: Lê Thị Luý</td><td colspan="2">Nho Tuân · Nho trưởng · Nho Hiệp · Nho Huân · Nho Biên 1981</td></tr>
<tr><td>Nho Hưởng
Bà Nguyễn Thị…
Gái: Huyền, Thái, Tâm</td><td></td></tr>
<tr><td colspan="2" rowspan="2">Nho Lứu (con bà cả Cử Trận)</td><td colspan="4">Nho Hạp (Bà 1, Bà 2; con gái: Bà Viên - Sơn Hoà; Bà Hài, Bà Bê, Bà Luyện - Sơn Lễ; Bà Tài - Sơn Thịnh)</td></tr>
<tr><td></td><td colspan="4"></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 183 chủ yếu phát triển dòng Nho Bạc; phần lớn các cột nhánh khác bỏ trống trong sơ đồ gốc.*

Nguyên bản trang 183 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

ĐINH NHO QUANG

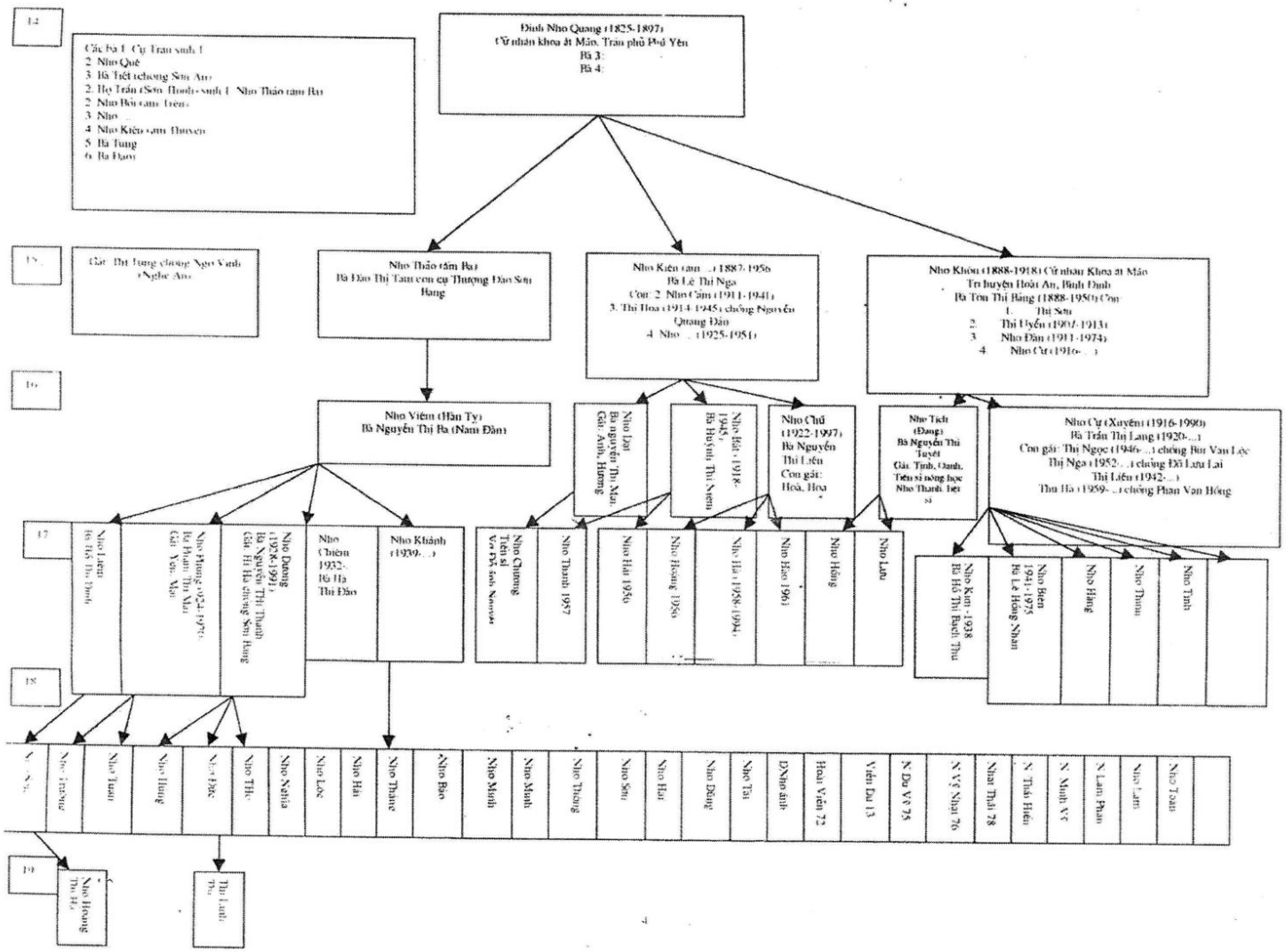
Tuần phủ Phú Yên (1825–1897) — nhánh hiển đạt, từ đời 14

Nguyên bản: *sơ đồ vẽ bằng ô chữ nhật rõ ràng, gốc là Đinh Nho Quang (Cử nhân khoa Ất Mão, Tuần phủ Phú Yên), phát triển xuống đời 19.*

ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18	ĐỜI 19
Đinh Nho Quang *(1825–1897)* *Cử nhân khoa Ất Mão — Tuần phủ Phú Yên* *Bà 3; Bà 4*	**Nho Thản (tằm Bạ)** *Bà Đào Thị Tam, con cụ Thượng Đàn Sơn Bằng*	**Nho Viêm (Hàn Tý)** *Bà Nguyễn Thị Ba (Nam Đàn)*	**Nho Liên (Bà Tô Thị Thanh) · Nho Dương (1924–1976; Bà Nguyễn Thị Thanh) · Nho Chiêm (1932–; Bà Hạ Thị Đản) · Nho Khánh (1939–)**		**Nho Trương · Nho Tuân · Nho Hưởng · Nho Đức · Nho Thị… (đời 18)**
		(con gái lấy chồng Ngô Vinh - Nghệ An)		**Nho Hoàng (Thị Hà) · Thị Linh (đời 19)**	
	Nho Kiên (cam…) *(1880–1956) Bà Lê Thị Nga* *Con: 2. Nho Cảm (1911–1941); 3. Thị Hoa (1914–1945) chồng Nguyễn Quang Đáu; 4. Nho… (1925–1951)*	**Nho Lan (Bà Nguyễn Thị Mai; Gái: Anh, Hường) · Nho Bật (1918–1945; Bà Huỳnh Thị Sửu) · Nho Chữ (1922–1997; Bà Nguyễn Thị Liễu; Gái: Hoà, Hoa)**		**Nho Hải 1936 · Nho Hoàng 1956 · Nho Hà (1958–1994) · Nho Hồng 1961 · Nho Hồng · Nho Lứu**	
		Nho Tịch (Đang) *Bà Nguyễn Thị Tuyết* *Gái: Tịnh, Oanh; Tiến sĩ nông học Nho Thanh liệt sĩ*	**Văn Lít · Văn Bội (ở Pháp)**	**Nho Thắng · Nho Trang Thị Hoà · Thị Anh Thị Bé**	
	Nho Khoái *(1888–1918) Cử nhân Khoa Ất Mão* *Tri huyện Hoài An, Bình Định; Bà Tôn Thị Bằng (1888–1950)* *Con: 1. Thị Sen; 2. Thị Uyển (1907–1913); 3. Nho Đản (1911–1974); 4. Nho Cừ (1916–)*	**Nho Cừ (Xuyến) (1916–1990)** *Bà Trần Thị Lang (1920–)* *Con gái: Thị Ngọc (1946–) chồng Bùi Văn Lộc; Thị Nga (1952–) chồng Đỗ Lưu Lai; Thị Liễu (1942–); Thu Hà (1959–) chồng Phan Văn Hồng*	**Nho Kim 1938 (Bà Hồ Thị Bạch Thư) · Nho Bến (1941–1975; Bà Lê Hồng Nhân) · Nho Hùng · Nho Thinn · Nho Tịnh**		
			Nho Cừ (1929–) *Bà Phan Thị Hường* *Gái: Bích Hoài chồng Lê Hạnh (1964)*		

Ghi chú: *trang 184 thuộc nhánh hiển đạt; ô chữ rõ ràng, ghi đầy đủ niên đại. Đây là dòng Tuần phủ Đinh Nho Quang.*

Nguyên bản trang 184 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

ĐINH NHO ĐIỂN

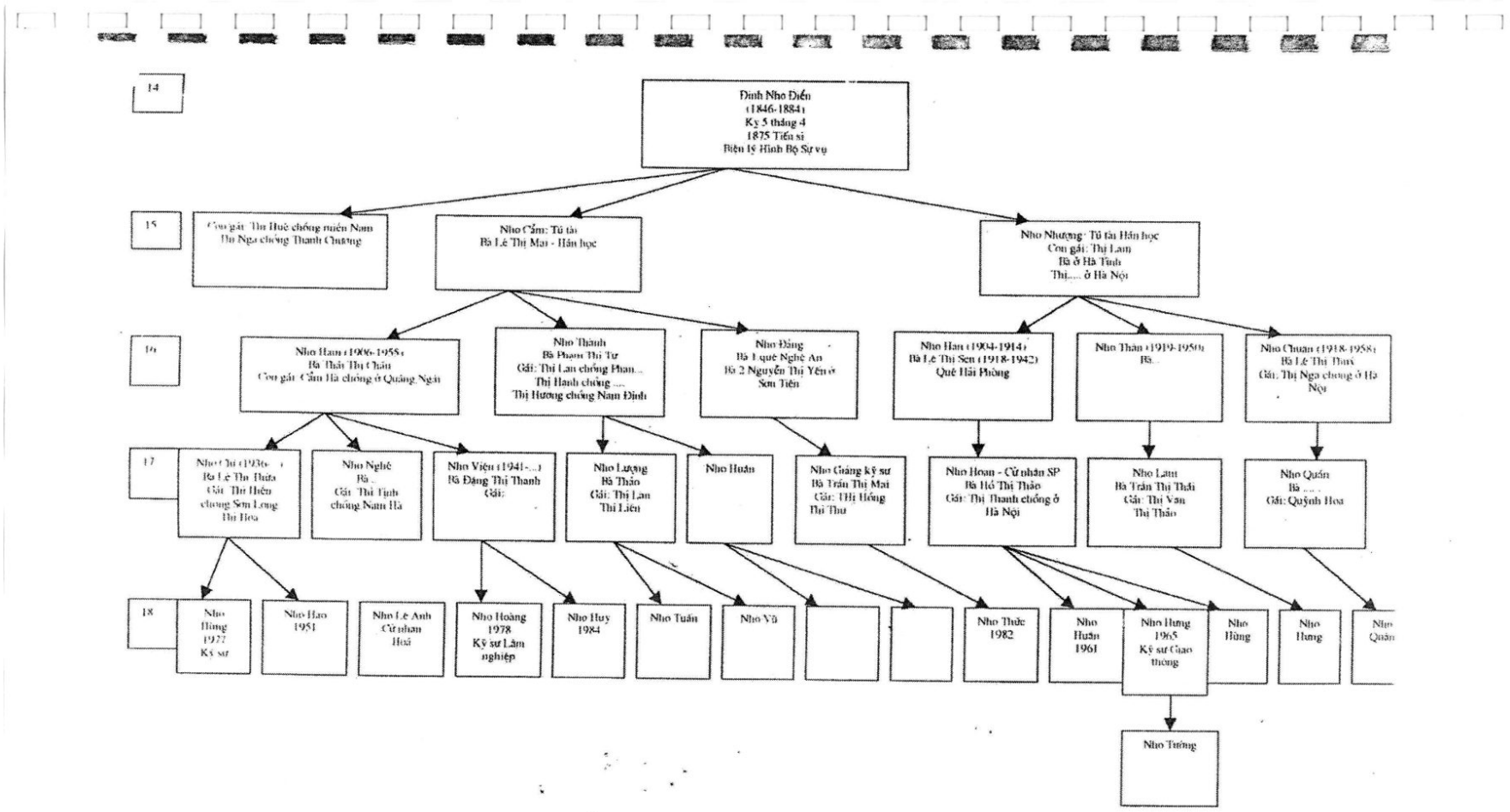
Tiến sĩ khoa 1875 (1846–1884) — nhánh hiển đạt, từ đời 14

Nguyên bản: *gốc là Đinh Nho Điển (Tiến sĩ 1875, Biện lý Hình Bộ Sự vụ), ô chữ rõ ràng, phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Đinh Nho Điển *(1846–1884)* *Kỳ 5 tháng 4 — 1875 Tiến sĩ* *Biện lý Hình Bộ Sự vụ*	**(Con gái: Thị Huế chồng miền Nam; Thị Nga chồng Thanh Chương)**			
	Nho Cẩm (Tú tài) *Bà Lê Thị Mai — Hán học*	**Nho Hàm (1906–1955)** *Bà Thái Thị Chân* *Con gái: Cẩm Hà chồng ở Quảng Ngãi*	**Nho Hùng 1977 (Kỹ sư) · Nho Hảo 1951 · Nho Lê Anh (Cử nhân Hoá)**	
		Nho Thành *Bà Phạm Thị Tự* *Gái: Thị Lan chồng Phạm…, Thị Hạnh chồng…, Thị Hương chồng Nam Định*	**Nho Hoàng 1978 (Kỹ sư Lâm nghiệp) · Nho Huy 1984 · Nho Tuân · Nho Vũ**	
		Nho Đảng *Bà Tuệ Nghệ An; Bà 2 Nguyễn Thị Yến ở Sơn Tiên*	**Nho Huân · Nho Giảng (Kỹ sư; Bà Trần Thị Mai; Gái: Thị Hằng, Thị Thư)**	
	Nho Nhượng (Tú tài Hán học) *Con gái: Thị Lan* *Bà ở Hà Tĩnh; Thị… ở Hà Nội*	**Nho Hàn (1904–1944)** *Bà Lê Thị Sen (1918–1942); Quê Hải Phòng*	**Nho Hoan — Cử nhân SP (Bà Hồ Thị Thảo; Gái: Thị Thanh chồng ở Hà Nội)**	
		Nho Thận (1919–1950) *Bà…*	**Nho Lam (Bà Trần Thị Thái; Gái: Thị Văn, Thị Thân)**	
		Nho Chuẩn (1918–1958) *Bà Lê Thị Thơi; Gái: Thị Nga chồng ở Hà Nội*	**Nho Hưng 1965 (Kỹ sư Giao thông) → Nho Trường · Nho Hùng · Nho Hưng · Nho Quân**	

Ghi chú: *trang 185 thuộc nhánh hiển đạt — dòng Tiến sĩ Đinh Nho Điển. Một con của Nho Hưng (Nho Trường) nằm ở đời 19.*

Nguyên bản trang 185 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TỈNH · NHO NHIẾP

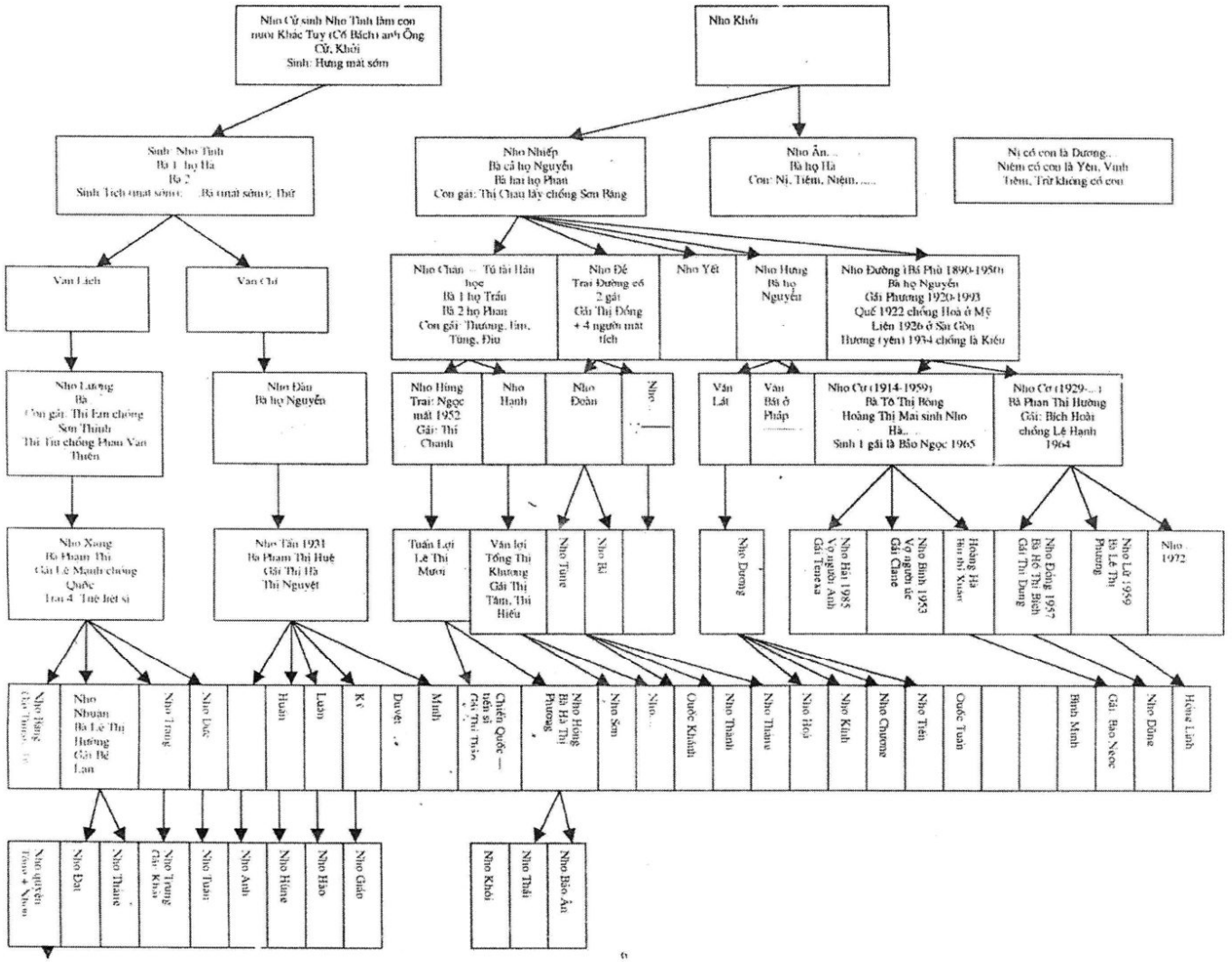
Nhánh Nho Cử – Nho Khải (chi A)

Nguyên bản: *trang vẽ bằng ô chữ nhật rời (không có cột đánh số đời). Bảng dưới tái lập theo từng tầng quan hệ cha → con.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Cử → Nho Tỉnh *Nho Tỉnh làm con nuôi Khắc Tuy (Cố Bích), anh Ông Cử, Khởi; Sinh: Hưng mất sớm*	**Nho Tỉnh** *Bà 1 họ Hà; Bà 2 Sinh: Tịch mất sớm…, Bé mất sớm; Thứ*	**Văn Lịch**	**Nho Lương** *Bà…* *Con gái: Thị Lan chồng Sơn Thịnh; Thị Tín chồng Phan Văn Thiên*	**Nho Xoay** *Bà Phạm Thị… ; Bà Lê Mạnh chồng Quốc con 4: Tuệ liệt sĩ*	**Nho Hồng (Cố Toại) · Nho Nhuận (Bà Lê Thị Hường; Gái: Bê, Lan) · Nho Trung · Nho Đắc → Nho Đại · Nho Thanh · Nho Trung (Cẩu Khoa) · Nho Tuấn**
		Văn Chỉ	**Nho Đản** *Bà họ Nguyễn*	**Huân · Luận · Kỷ · Duyệt · Minh**	**Nho Anh · Nho Hùng · Nho Hảo · Nho Giáo**
Nho Khải *gốc nhánh*	**Nho Nhiếp** *Bà cả họ Nguyễn; Bà hai họ Phan Con gái: Thị Chau lấy chồng Sơn Bằng*	**Nho Chân (Tú tài Hán học; Bà 1 họ Trần, Bà 2 họ Phan; con gái: Thương, Lan, Tùng, Đu) · Nho Đệ (Trai Đường có 2 gái: Thị Đóng + 4 người mất tích) · Nho Yết · Nho Hưng (Bà họ Nguyễn) · Nho Đường (Bà Phù 1890-1950, Bà họ Nguyễn; Gái: Phương 1920-1993, Quế 1922 chồng Hoà ở Mỹ, Liên 1926 ở Sài Gòn, Hương/Yến 1934 chồng là Kiều)**		**Nho Hùng (Trai: Ngọc mất 1952; Gái: Thị Chanh) · Nho Hạnh · Nho Đoàn · Niệc · Văn Lít · Văn Bội (ở Pháp) · Nho Cừ (1914-1959; Bà Tô Thị Bông; Hoàng Thị Mai sinh Nho Hà…; sinh 1 gái là Bảo Ngọc 1965) · Nho Cừ (1929-; Bà Phan Thị Hường; Gái: Bích Hoài chồng Lê Hạnh 1964)**	
	Nho Ân *Bà họ Hà* *Con: Nị, Tiêm, Niệm…*	**(con cháu Nị, Tiêm, Niệm)**		**Nho Dương · các con đời sau**	
	(Nỉ có con ở Dương…; Niệm có con là Yên, Vinh, Tiêm, Trữ không có con)			**đời sau**	

Ghi chú: *trang 186 nhiều ô rời và mũi tên chéo; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Một số tên/chú thích mờ ghi theo mức đọc rõ nhất.*

Nguyên bản trang 186 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO KHÁNH · VĂN HẢO

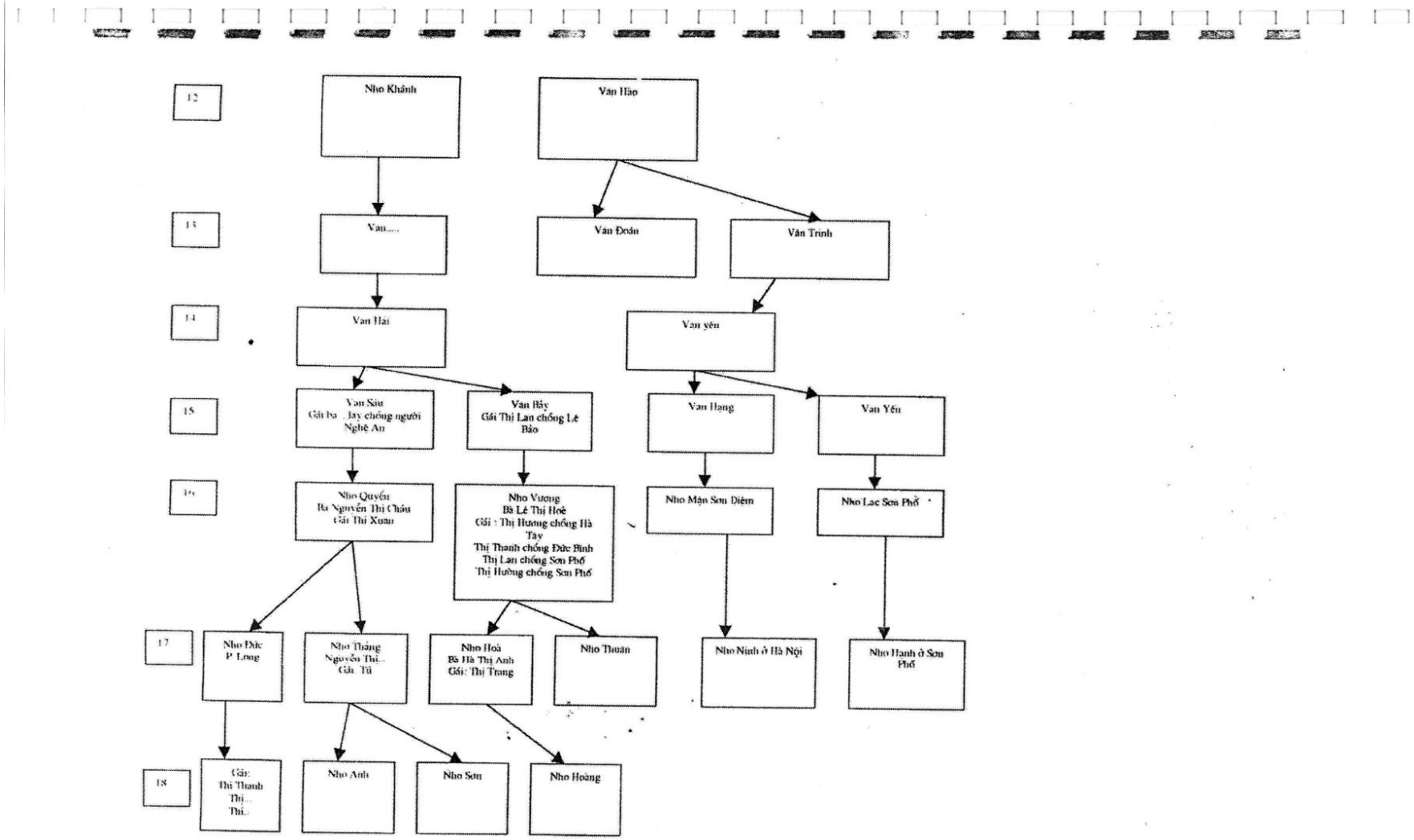
Chi A — Đời 12 đến đời 18

Nguyên bản: *hai gốc song song Nho Khánh và Văn Hảo (đời 12), ô chữ rõ ràng, phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Khánh	**Văn…**	**Văn Hải**	**Văn Sửu** *Gái ba… lấy chồng người Nghệ An*	**Nho Quyến** *Bà Nguyễn Thị Châu* *Gái: Thị Xuân*	**Nho Đắc P. Long**	**Gái: Thị Thanh, Thị…, Thị…**
					Nho Thắng *Bà Nguyễn Thị…* *Gái: Tú*	**Nho Anh · Nho Sơn · Nho Hoàng**
			Văn Bảy *Gái Thị Lan chồng Lê Bảo*	**Nho Vương** *Bà Lê Thị Hoè* *Gái: Thị Hương chồng Hà Tây; Thị Thanh chồng Đức Bình; Thị Lan, Thị Hường chồng Sơn Phố*	**Nho Hoà** *Bà Hà Thị Anh* *Gái: Thị Trang*	**Nho Anh · Nho Sơn · Nho Hoàng**
				Nho Thuận		
Văn Hảo	**Văn Đoàn**					
	Văn Trinh	**Văn yên**	**Văn Hạng**	**Nho Mận Sơn Diệm**	**Nho Ninh ở Hà Nội**	
			Văn Yến	**Nho Lạc Sơn Phố**	**Nho Hạnh ở Sơn Phố**	

Ghi chú: *trang 187 có cột đánh số đời rõ; bảng theo đúng cấu trúc nguyên bản.*

Nguyên bản trang 187 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO DUNG · NHO HIẾU · NHO DIỆU

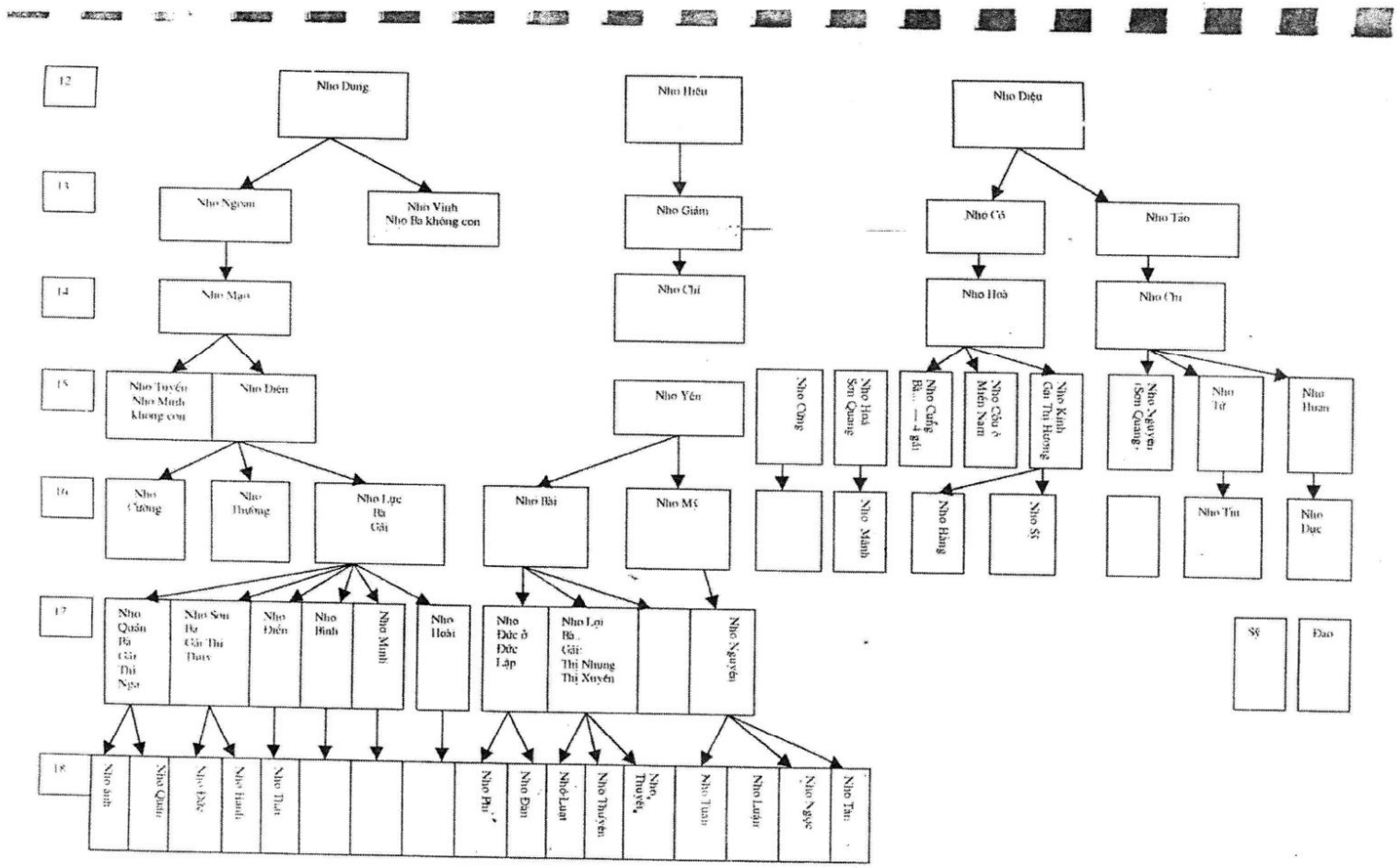
Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 18

Nguyên bản: *ba gốc song song (Nho Dung, Nho Hiếu, Nho Diệu) ở đời 12, phát triển xuống đời 18.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Dung</td><td rowspan="2">Nho Ngoạn</td><td rowspan="2">Nho Mạo</td><td>Nho Tuyến · Nho Minh (không con)</td><td>—</td><td>—</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Điển</td><td>Nho Cương · Nho Thưởng · Nho Lực (Bà; Gái)</td><td>Nho Quản (Bà; Gái Thị Nga) · Nho Sơn (Bà Cử Thị Thuý) · Nho Diễn · Nho Bình · Nho Minh · Nho Hoài</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Vinh / Nho Ba không con</td><td></td><td></td><td>(nối Nho Lực)</td><td>Nho Anh · Nho Quân · Nho Đắc · Nho Hành · Nho Thai</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Hiếu</td><td>Nho Giảm</td><td>Nho Chí</td><td>Nho Yên</td><td>Như Bài · Nho Mỹ</td><td>Nho Đức (ở Đức Lập) · Nho Lợi (Bà; Gái: Thị Nhung, Thị Xuyến) · Nho Nguyên → Nho Phi · Nho Đản · Nho Luận · Nho Thuyền · Như Thuý · Nho Tuấn · Nho Luận · Nho Ngọc · Nho Tin</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Diệu</td><td>Nho Cô</td><td>Nho Hoà</td><td colspan="2">Nho Công · Nho Hoà Sơn Quang · Nho Chấp (Bà…4 gái) · Nho Cửu ở Miền Nam · Nho Kinh (Gái Thị Hương)</td><td>Nho Mạnh · Nho Hằng · Nho Sỹ</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Tảo</td><td>Nho Chi</td><td colspan="2">Nho Nguyên (Sơn Quang) · Nho Tứ · Nho Huân → Nho Trú · Nho Dực · Sỹ · Đạo</td><td>đời sau</td><td></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 188 gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

Nguyên bản trang 188 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ
NHO HỢP

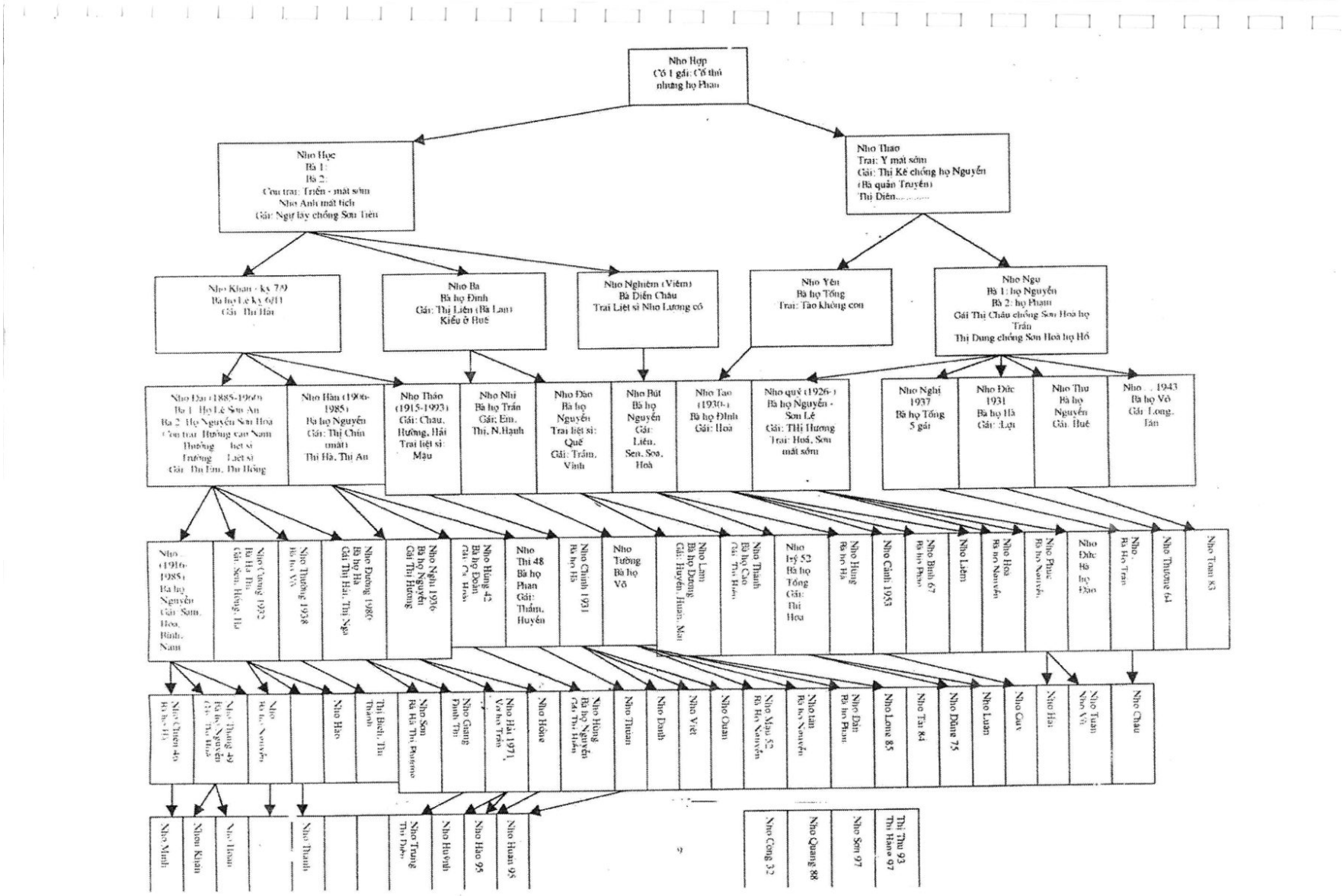
Chi A — Đại chi, đời 12 đến đời 19

Nguyên bản: *đại chi Nho Hợp, sơ đồ rất rậm, ô chữ rõ; phát triển nhiều nhánh xuống đời 18–19.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Hợp *Có 1 gái: có thờ nhưng họ Phan*	**Nho Học** *Bà 1; Bà 2* *Con trai: Triển - mất sớm; Nho Anh mất tích* *Gái: Ngư lấy chồng Sơn Tiên*	**Nho Khản (kỵ 7/9)** *Bà họ Lê kỵ 6/11* *Gái: Thị Hài*	**Nho Đản (1885-1960)** *Bà 1 họ Lê Sơn An; Bà 2 họ Nguyễn Sơn Hoà* *Con trai: Thắng cao Nam; Thưởng liệt sĩ; Gái: Thị Em, Du Hồng*	**Nho… (1910-1985; Bà họ Nguyễn; Gái: Sâm, Hoà, Bình, Nam)**	
		Nho Ba *Bà họ Đinh* *Gái: Thị Liên (Bà Lan), Kiều ở Huế*	**Nho Hàn (1906-1985; Bà họ Nguyễn; Gái: Thị Chín) · Nho Thảo (1915-1993; Gái: Châu, Hường, Hải)**		**Nho Việt Cương 1932 (Bà Hà Thị…; Gái: Sen, Hồng, Hà) · Nho Thưởng 1938 (Bà họ Hà; Gái Thị Hải, Thị Nga) · Nho Dương 1980 (Gái Thị Hương)**
	Nho Thảo *Trai: Y mất sớm* *Gái: Thị Kế chồng họ Nguyễn (Bà quản Truyện), Thị Diên…*	**Nho Nhị** *Bà họ Trần; Gái: Em, Thị, N.Hạnh*	**Nho Ngà 1936 · Nho Hồng 42 (Bà họ Phan) · Nho Chinh 1931**		**đời sau**
	Nho Nghiêm (Viêm) *Bà Diễn Châu* *Trai Liệt sĩ Nho Lương có*	**Nho Đào** *Bà họ Nguyễn; Trai liệt sĩ: Quế*	**Nho Tường (Bà họ Võ) · Nho Lâm (Bà họ Cao; Gái: Huyền, Hoan, Mau)**		**các con đời sau**
	Nho Yên *Bà họ Tống* *Trai: Tạo không con*	**Nho Bút** *Bà họ Nguyễn; Gái: Liễu, Sen, Soa, Hoà*	**Nho Thanh (Bà họ Hà) · Nho kỳ 52 (Bà họ Tống; Gái: Thị Hoa)**		**các con đời sau**
	Nho Ngụ *Bà 1 họ Nguyễn; Bà 2 họ Phan* *Gái: Thị Châu chồng Sơn Hoà họ Trần; Thị Dung chồng Sơn Hoà họ Hồ*	**Nho Tạo (1930-)** *Bà họ Đinh; Gái: Hoà*	**Nho Hùng (Bà họ Hà) · Nho Cảnh 1953 (Bà họ Phan) · Nho Liên**		**các con đời sau**
		Nho quý (1926-) *Bà họ Nguyễn - Sơn Lễ* *Gái: Thị Hương; Trai: Hoà, Sơn mất sớm*	**Nho Nghị 1937 (ở họ Tống, 5 gái) · Nho Đức 1931 (Bà họ Hà; Gái: Lợi) · Nho Thu (Bà họ Nguyễn; Gái: Huế) · Nho… 1943 (Bà họ Võ; Gái: Long, Tân)**		**Nho Hảo · Nho Thục · Nho Đức · Nho Tài 84 · Nho Thương 64 · Nho Toàn 83 · Nho Chau**

Ghi chú: *trang 189 (đại chi Nho Hợp) rất nhiều ô; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Niên đại ghi theo bản scan.*

Nguyên bản trang 189 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO TRỊ · NHO HÙNG · NHO ÁNG

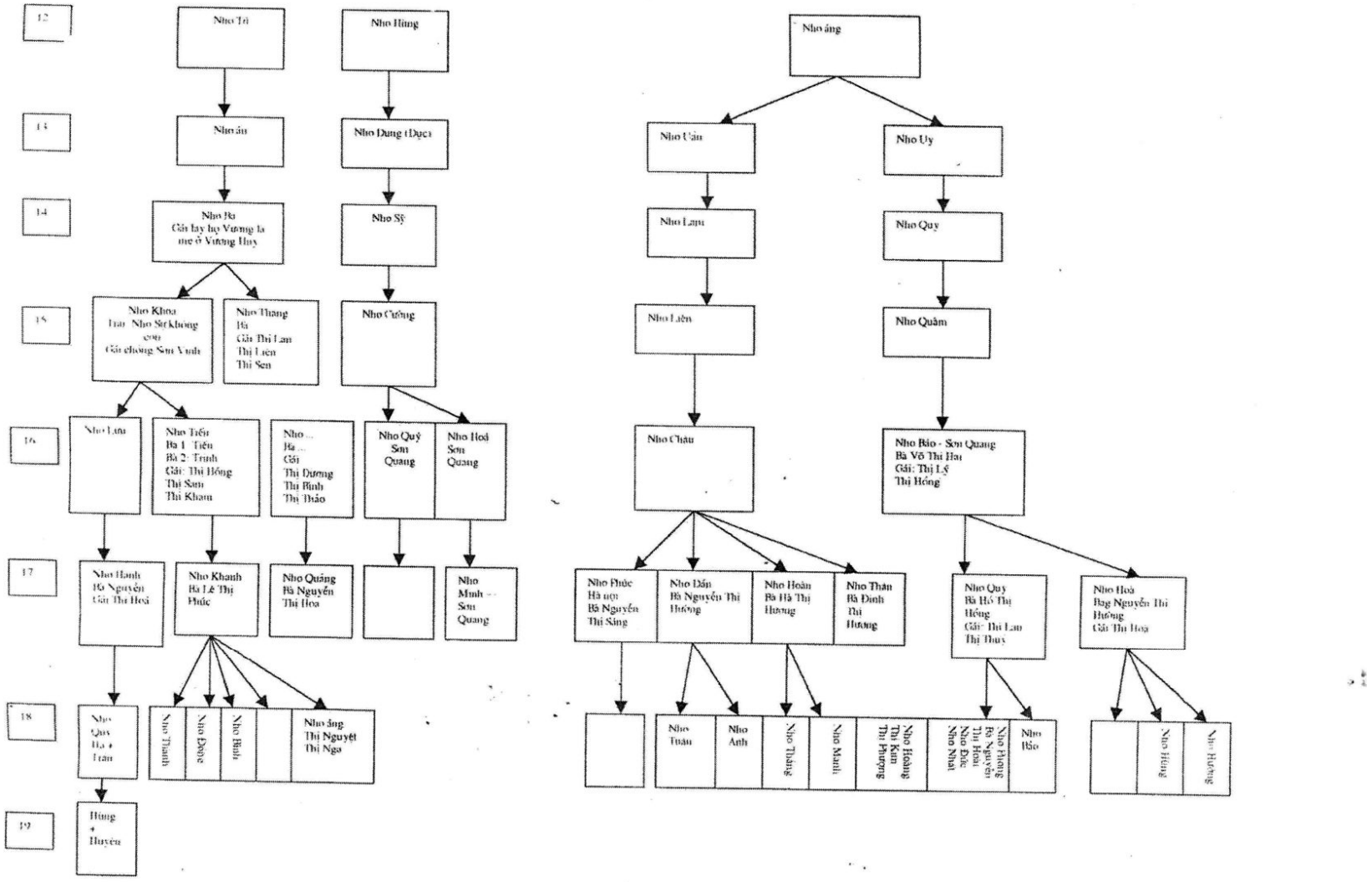
Chi A — Ba dòng song song, đời 12 đến đời 19

Nguyên bản: *ba gốc song song (Nho Trị, Nho Hùng, Nho Áng) ở đời 12, ô chữ rõ, phát triển xuống đời 19.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th><th>ĐỜI 19</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Nho Trị</td><td rowspan="3">Nho Ân</td><td rowspan="3">Nho Ba
Gái lấy họ Vương là mẹ ở Vương Huy</td><td>Nho Khoa
Trai: Nho Sử không con; Gái chồng Sơn Vinh</td><td>Nho Lưu</td><td>Nho Hạnh (Bà Nguyễn; Gái Thị Hoà)</td><td>Nho Quý (Hà + Trận)</td><td>Hùng + Huyền</td></tr>
<tr><td>Nho Tiên
Bà 1: Tiến; Bà 2: Trinh Gái: Thị Hồng, Thị Sâm, Thị Khau</td><td>Nho Khanh
Bà Lê Thị Phúc</td><td colspan="2">Nho Thanh · Nho Diện · Nho Bính · Nho Ung (Thị Nguyệt, Thị Nga)</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Thắng
Bà; Gái: Thị Lan, Thị Liên, Thị Sen</td><td>Nho… (Bà…; Gái: Thị Dương, Thị Bình, Thị Thảo)</td><td colspan="2">Nho Quảng (Bà Nguyễn Thị Hoa)</td><td>đời sau</td></tr>
<tr><td>Nho Hùng</td><td>Nho Dung (Dực)</td><td>Nho Sỹ</td><td>Nho Cường</td><td>Nho Quý Sơn Quang · Nho Hoá Sơn Quang</td><td colspan="3">Nho Minh — Sơn Quang</td></tr>
<tr><td rowspan="2">Nho Áng</td><td>Nho Uân</td><td>Nho Lạu</td><td>Nho Liên</td><td>Nho Châu</td><td>Nho Phúc (Hà nội; Bà Nguyễn Thị Sáng) · Nho Dần (Bà Nguyễn Thị Hường) · Nho Hoàn (Bà Hà Thị Hương) · Nho Thận (Bà Đinh Thị Hương)</td><td>Nho Thận · Nho Anh · Nho Thắng · Nho Mạnh · Nho Hoàng Thị Kim Thị Phương · Nho Đức Nho Nhật</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Uy</td><td>Nho Quy</td><td>Nho Quàm</td><td>Nho Bảo - Sơn Quang
Bà Võ Thị Bạt Gái: Thị Lệ, Thị Hồng</td><td>Nho Quy (Bà Hồ Thị Hồng; Gái: Thị Lan, Thị Thuý)</td><td>Nho Phương (Bà Nguyễn Thị Hoài) · Nho Hảo</td><td></td></tr>
<tr><td></td><td></td><td></td><td></td><td>Nho Hoá (Bà Nguyễn Thị Hường; Gái Thị Hoa)</td><td>Nho Hùng · Nho Hường</td><td></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 190 gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

Nguyên bản trang 190 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO THẬN — Lược đồ 9B–13B

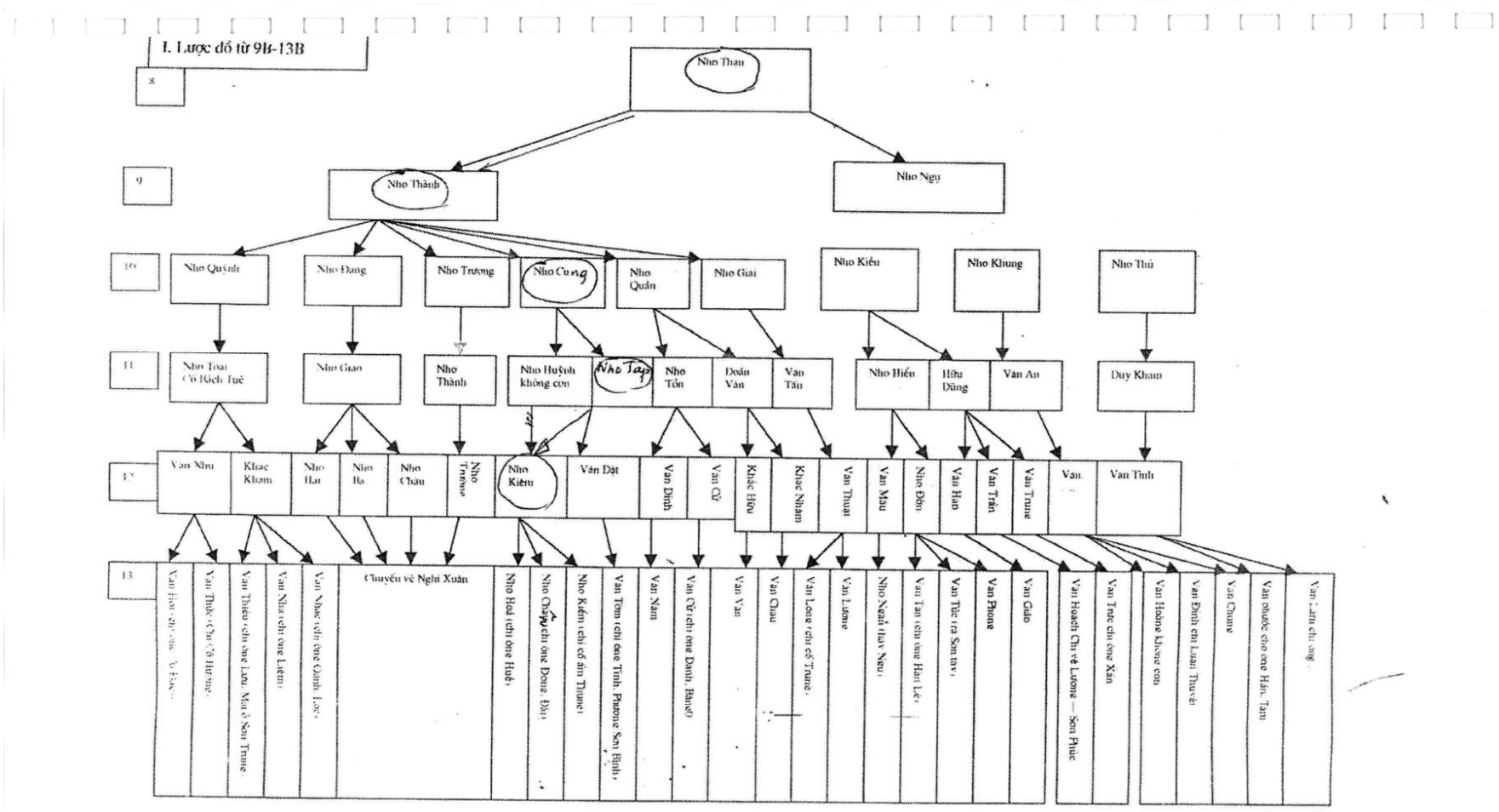
Chi Thứ (cadette) — Thuỷ tổ chi B, đời 8B đến đời 13B

Nguyên bản: *khởi đầu Chi Thứ với thuỷ tổ Nho Thận (đời 8B). Tiêu đề nguyên bản: "I. Lược đồ từ 9B-13B".*

ĐỜI 8	ĐỜI 9	ĐỜI 10	ĐỜI 11	ĐỜI 12	ĐỜI 13
Nho Thận *Thuỷ tổ chi B — đời 8*	Nho Thành	Nho Quỳnh	Nho Toại (Cố Bích Tuệ)	Văn Như · Khắc Khâm · Nho Hai · Nho Hà · Nho Châu	Văn Sao (về ô. Tế); Văn Thức (về ô. Hương); Văn Thiều (về ô. Lưu, mất ở Sơn Trung); Văn Nhã (về ô. Liêm); Văn Nhạc (về ô. Quỳnh Lưu)
		Nho Đảng	Nho Giao	Nho Trúc · Nho Kiêm · Nho Tạp	chuyển về Nghi Xuân
		Nho Trương	Nho Thành	Văn Đặt	Nho Hài (về ô. Huế); Nho Chấp (về ô. Đông Dầu)
		Nho Cung	Nho Huỳnh không con · Nho Tạo · Nho Tồn · Đoàn Văn · Văn Tân	Văn Định · Văn Cừ · Khắc Hữu · Khắc Nhậm · Văn Thuật	
		Nho Quản · Nho Giai	Nho Hiến · Hữu Dũng · Văn An	Văn Mậu · Nho Đôn · Văn Hảo · Văn Trên · Văn Trung · Văn… · Văn Gião	
		Nho Kiều · Nho Khung	Duy Khâm	Văn Phong (chú Đông Dầu); Văn Trác (ông Xân); Văn Trọc (ông Lương — Sơn Phúc)…	
	Nho Ngụ	Nho Thủ	Văn Tịnh	Văn Hoàng (không con); Văn Đình (chú Luận, Thuyết); Văn Chương; Văn phước (chú ông Hân, Tạm)…	

Ghi chú: *trang 191 mở đầu Chi Thứ. Một số tên trong ô đã được khoanh tròn trên bản gốc (Nho Thành, Nho Cung, Nho Tạp). Niên đại/chú thích ghi theo bản scan.*

Nguyên bản trang 191 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

Tiểu chi VĂN NHƯ · KHẮC KHÂM

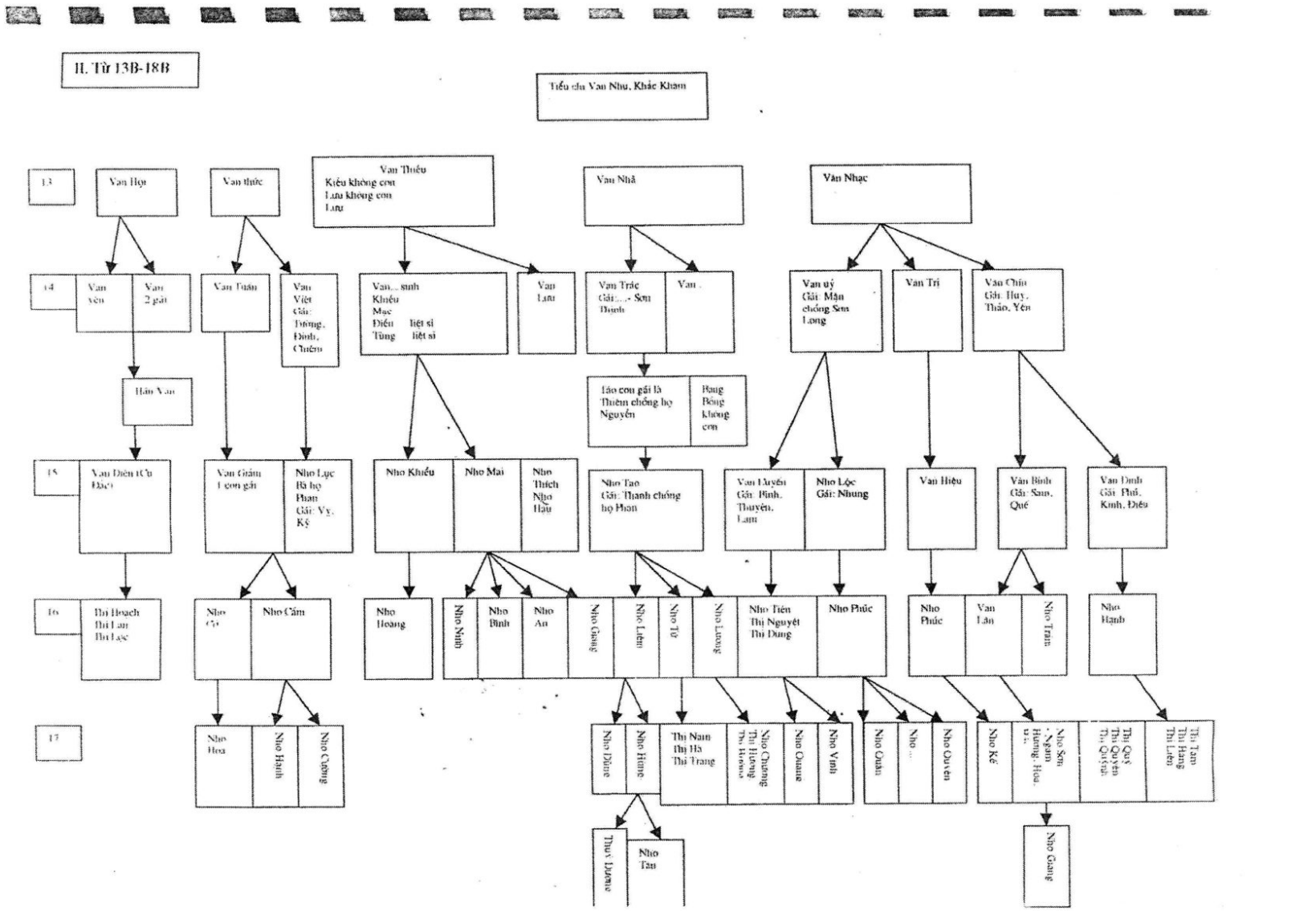
Chi Thứ — Lược đồ II, đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *tiêu đề nguyên bản "II. Từ 13B-18B — Tiểu chi Văn Như, Khắc Khâm". Năm gốc song song ở đời 13.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Văn Họi	**Văn yên · Văn (2 gái)**	**Hảo Văn**	**Văn Điển (Cố Bảo)**	**Thị Hoạch · Thị Lan · Thị Lạc**	
Văn thức	**Văn Tuân · Văn Việt (Gái: Trọng, Đồng, Chiêm)**	**Văn Giảm (1 con gái) · Nho Lục (Bà họ Phan; Gái: Vy, Kỷ)**	**Nho Cô · Nho Cẩm → Nho Hoa · Nho Hạnh · Nho Cường**		
Văn Thiều *Kiều không con; Lưu không con; Lưu*	**Văn… sinh Khếu Mạc; Điều liệt sĩ; Tùng liệt sĩ · Văn Lưu**	**Nho Khiếu · Nho Mai · Nho Thích Nho Hậu**	**Nho Hoang · Nho Ninh · Nho Bình · Nho An · Nho Gang · Nho Liêm · Nho Tô · Nho Lương**		
Văn Nhã	**Văn Trác (Gái… Sơn Thịnh) · Văn…**	**Tảo (con gái là Thiềm chồng họ Nguyễn) · Hậu Bông không con · Nho Tạo (Gái: Thanh chồng họ Phan)**	**Nho Tiên Thị Nguyệt Thị Dung · Nho Phúc → Nho Diên · Nho Hưng · Thị Nam Thị Hà Thị Trang · Nho Chương Gái Thị Hương · Nho Quang · Nho Vinh → Thuý Dương · Nho Tàu**		
Văn Nhạc	**Văn uỷ (Gái: Mận chồng Sơn Long) · Văn Trị · Văn Chín (Gái: Huy, Thảo, Yên)**	**Văn Huyện (Gái: Bình, Thuyên, Lam) · Nho Lộc (Gái: Nhung) · Văn Hiệu · Văn Bình (Gái: Sam, Quế) · Văn Đính (Gái: Phú, Kinh, Điều)**	**Nho Quản · Nho… · Nho Quyên · Nho Kế · Nho Sơn (Ngạn Hưng, Hoà) Nho Sồ (Thị Quế, Thị Hằng, Thị Liễu) · Nho Phúc · Văn Lan · Nho Trâm · Nho Hạnh → Nho Giang**		

Ghi chú: *trang 192 (lược đồ II) gồm 5 gốc song song; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Nhiều ô con cháu ghép theo từng nhánh.*

Nguyên bản trang 192 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO HOÀ → NHO TRÍ

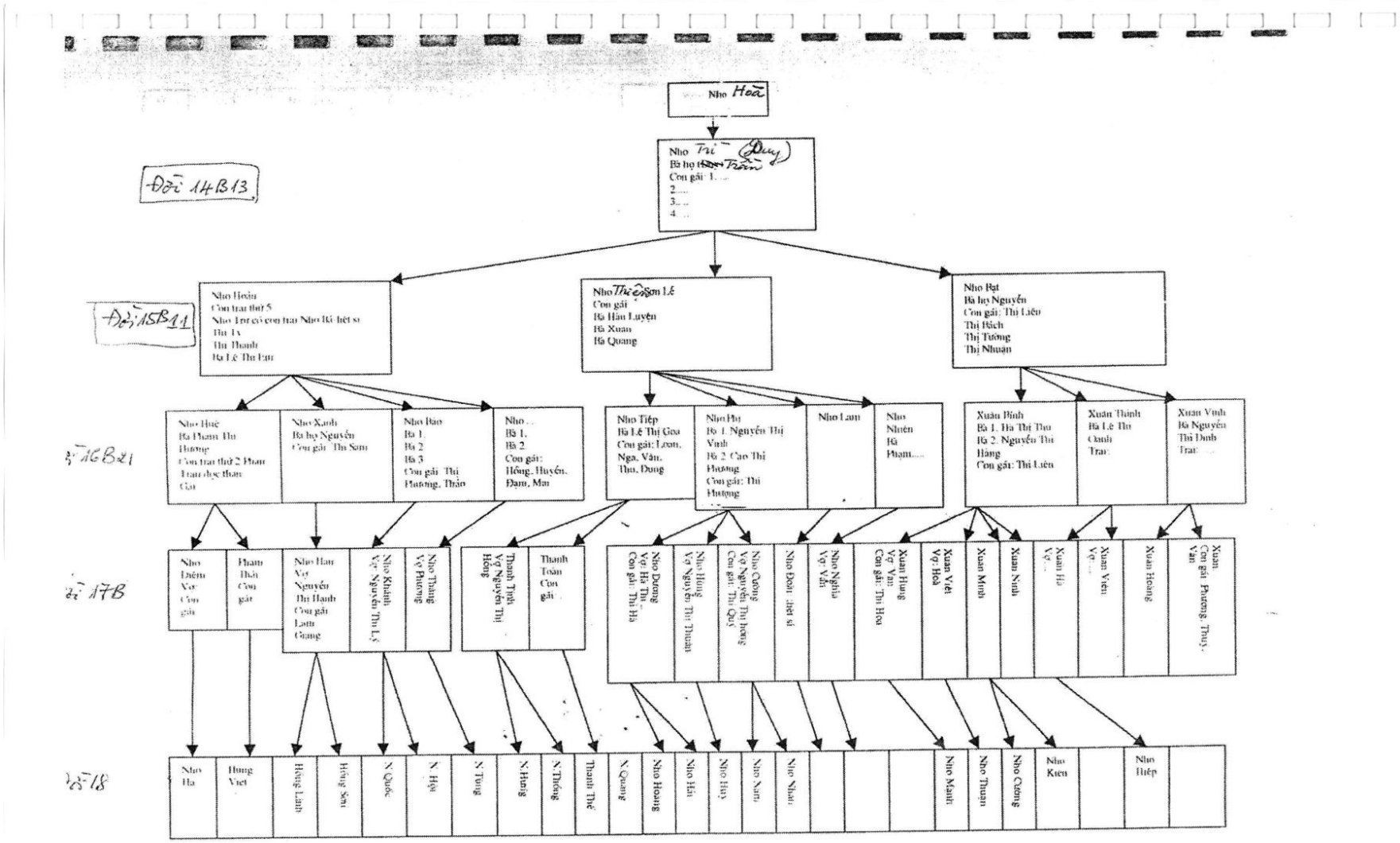
Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B (dòng Xuân Bính · Xuân Thịnh · Xuân Vinh)

Nguyên bản: *có chú thích đời viết tay trên bản gốc (Đời 14B13, 15B11, 16B21, 17B, 18B). Gốc Nho Hoà → Nho Trí (Duy).*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Hoà → Nho Trí (Duy) *Bà họ Trần (sửa tay)* *Con gái: 1, 2, 3, 4*	**Nho Hoàn** *Con trai thứ 5* *Nho Trí có con trai Nho Bí liệt sĩ* *Bà Tý; Thị Hạnh; Bà Lê Thị Lan*	**Nho Huế** *Bà Phạm Thị Hương* *con trai thứ 2 Phan; con học thêm Gái*	**Nho Hậu (Vợ con gái) · Phạm Thái (Con gái)**	**Nho Hà · Hùng Việt**	
		Nho Xanh *Bà họ Nguyễn; Con gái: Thị Sơn*	**Nho Han (Vợ Nguyễn Thị Hanh; con gái: Lam, Gang) · Nho Khánh (Vợ Nguyễn Thị Lý) · Nho Thắng (Vợ Phương)**	**Hồng Lình · Hồng Sơn · N.Quốc · N.Hộ · N.Tùng · N.Hùng · N.Thống · Thanh Thế · N.Quang**	
		Nho Bản · Nho… *Bà 1; Bà 2; Bà 3* *Con gái: Hồng, Huyến, Đam, Mơ*	**Thanh Tịnh (Vợ Nguyễn Thị Hồng) · Thanh Toàn (con gái)**	**đời sau**	
	Nho Lê (Thị) *Con gái* *Bà Hân Luyện; Bà Xuân; Bà Quang*	**Nho Tiếp** *Bà Lê Thị Goa* *Con gái: Loan, Nga, Vân, Thu, Dung*	**Nho Dương (Vợ Hà Thị…; con gái: Thị Hà) · Nho Hùng (Vợ Nguyễn Thị Thuận)**	**Nho Hoang · Nho Hải · Nho Huy · Nho Nam · Nho Nhân**	
		Nho Hai *Bà 1: Nguyễn Thị Vinh; Bà 2: Cao Thị Hương* *Con gái: Thị Hương*	**Nho Cường (Vợ Nguyễn Thị Quý; con gái: Thị Quý) · Nho Đối (liệt sĩ) · Nho Nghĩa (Vợ Vân)**	**các con đời sau**	
		Nho Lam · Nho Nhiên (Bà Phạm…)	**Nho Nhân**	**các con đời sau**	
	Nho Bạt *Bà họ Nguyễn* *Con gái: Thị Liễu, Thị Bích, Thị Tường, Thị Nhuận*	**Xuân Bính** *Bà 1: Hà Thị Thư; Bà 2: Nguyễn Thị Hàng* *Con gái: Thị Liên*	**Xuân Hùng (Vợ Hoà) · Xuân Minh · Xuân Sinh · Xuân Hà (Vợ…) · Xuân Viễn (Vợ…) · Xuân Hoàng**	**Nho Mạnh · Nho Thuận · Nho Cường · Nho Kiên · Nho Hiệp**	
		Xuân Thịnh (Bà Lê Thị Oanh; Trai…) · Xuân Vinh (Bà Nguyễn Thị Dinh; Trai…)	**Xuân (con gái: Phương, Thuý, Vân)**	**đời sau**	

Ghi chú: *trang 193 có ghi chú đời viết tay; bảng giữ đúng quan hệ cha–con. Dòng này gồm các cán bộ Xuân Bính, Xuân Thịnh, Xuân Vinh.*

Nguyên bản trang 193 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO KIÊM · VĂN ĐỆ

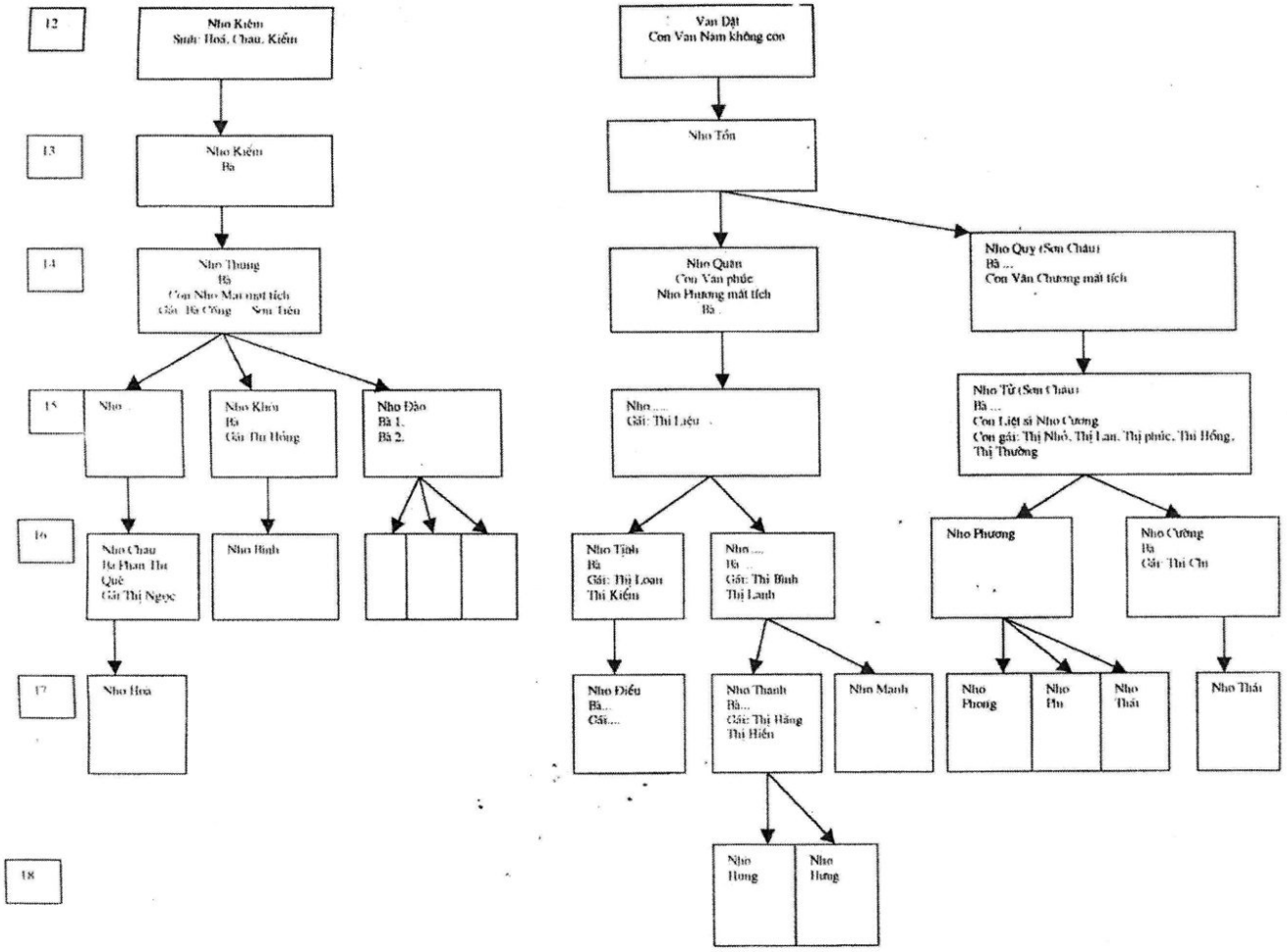
Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B

Nguyên bản: *hai gốc song song Nho Kiêm và Văn Đệ (đời 12), ô chữ rõ; cột đánh số đời rõ.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Nho Kiêm *Sinh: Hoà, Châu, Kiểm*	**Nho Kiểm** *Bà*	**Nho Thưởng** *Bà* *Con Nho Mai mất tích; Gái: Bà Cừng - Sơn Tiên*	**Nho… · Nho Khừu (Bà Văn Thị Hồng) · Nho Đào (Bà 1; Bà 2)**	**Nho Châu (Bà Phan Thị Quê; Gái Thị Ngọc) · Nho Bình**		**Nho Hà**
			(nối Nho Đào)	**(3 ô con cháu Nho Đào)**		**đời sau**
				(con cháu khác)		**đời sau**
Văn Đệ *Con Văn Nam không con*	**Nho Tồn**	**Nho Quản (con Văn phúc; Nho Phương mất tích; Bà)**	**Nho… (Gái: Thị Liêu)**	**Nho Tịnh (Bà; Gái: Thị Loan, Thị Kiểm) · Nho… (Bà; Gái: Thị Bình, Thị Lanh)**		**Nho Điều · Nho Thanh (Bà; Gái: Thị Hằng, Thị Hiên) → Nho Hùng · Nho Hưng · Nho Mạnh**
			(nối Nho Quản)	**các con đời sau**		
		Nho Quy (Sơn Châu) *Bà…; Con Văn Chương mất tích*	**Nho Tứ (Sơn Châu)** *Bà…* *Con Liệt sĩ Nho Cương; Con gái: Thị Nhỏ, Thị Lan, Thị phúc, Thị Hồng, Thị Thường*	**Nho Phương → Nho Phương · Nho Phi · Nho Thái · Nho Cường (Bà; Gái Thị Chi) → Nho Thái**		
			(nối Nho Tứ)	**các con đời sau**		

Ghi chú: *trang 194 gồm hai dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

Nguyên bản trang 194 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO CỬ · NHO LUNG · NHO HUYỆN

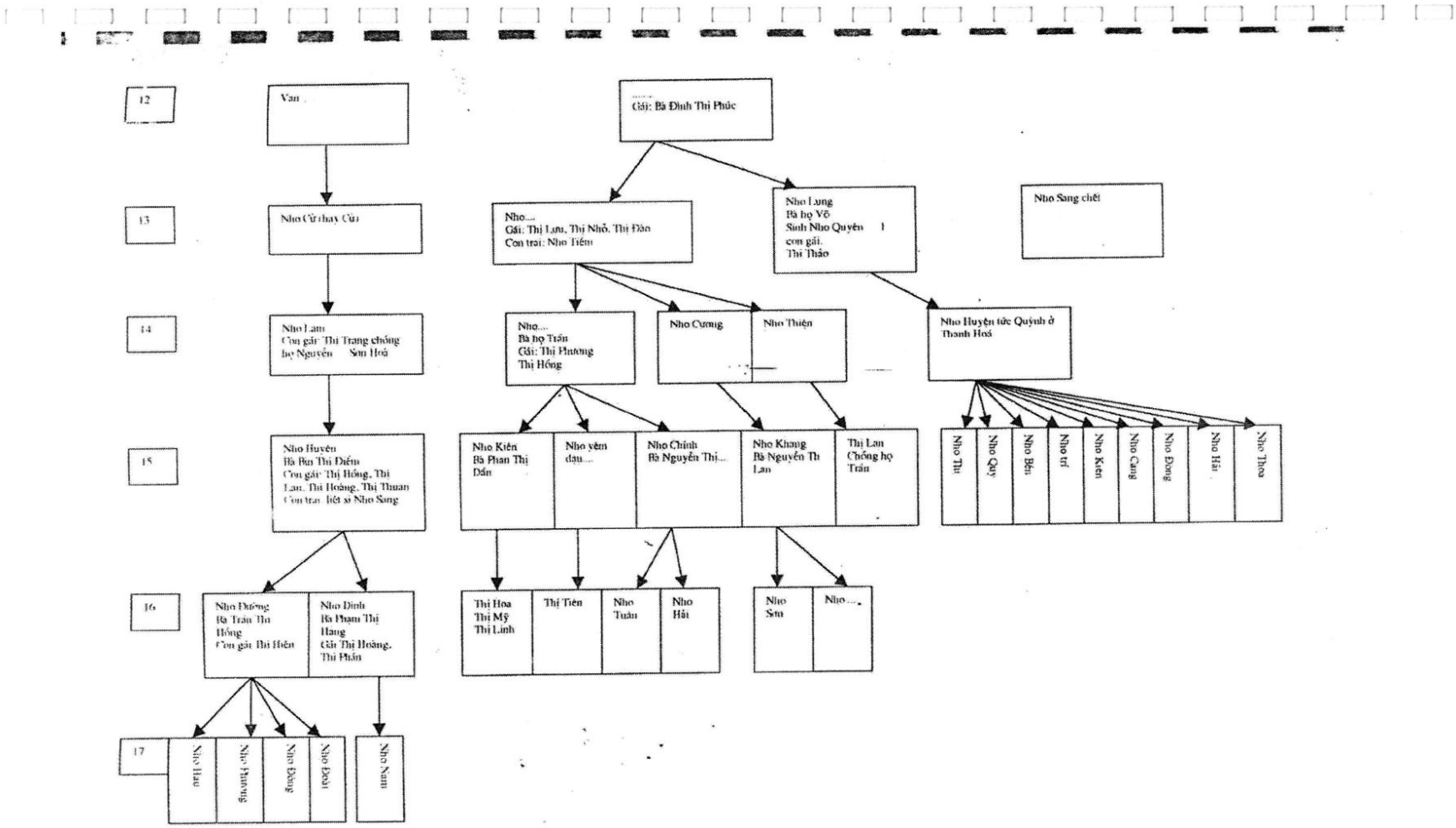
Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B

Nguyên bản: *các nhánh Nho Cử, Nho Lung, Nho Huyện (tức Quỳnh ở Thanh Hoá). Ô chữ rõ.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th></tr>
<tr><td rowspan="3">Văn… → Nho Cử (hay Cừ)</td><td>Nho Lam
Con gái: Thị Trang chồng họ Nguyễn - Sơn Hoà</td><td>Nho Huyện
Bà Bùi Thị Diên
Con gái: Thị Hồng, Thị Lan, Thị Hoàng, Thị Thuận; Con trai liệt sĩ Nho Sang</td><td>Nho Dương (Bà Trần Thị Hồng; con gái Thị Hiền) · Nho Đính (Bà Phạm Thị Hạng; Gái: Thị Hoàng, Thị Phấn)</td><td>Nho Hậu · Nho Phương · Nho Đông · Nho Đối · Nho Nam</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho… (Gái: Thị Lan, Thị Nhỏ, Thị Đàn; Con trai: Nho Tiên)</td><td>Nho… (Bà họ Trần; Gái: Thị Phương, Thị Hồng) · Nho Cương · Nho Thiện</td><td colspan="2">Nho Kiên (Bà Phan Thị Dần) · Nho yên dậu… · Nho Chính (Bà Nguyễn Thị…) · Nho Khang (Bà Nguyễn Thị Lan) · Thị Lan chồng họ Trần</td><td>Thị Hoa Thị Mỹ Thị Linh · Thị Tiên · Nho Tuân · Nho Hải · Nho Sơn · Nho…</td></tr>
<tr><td>Nho Lung
Bà họ Võ
Sinh Nho Quyền, 1 con gái: Thị Thảo</td><td>Nho Huyện tức Quỳnh ở Thanh Hoá</td><td colspan="2">Nho Thị · Nho Quý · Nho Bồi · Nho trí · Nho Kiên · Nho Cang · Nho Đông · Nho Hải · Nho Thao</td><td>đời sau</td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 195 — Nho Huyện còn gọi là Quỳnh, di duệ ở Thanh Hoá. Bảng giữ đúng quan hệ cha–con.*

Nguyên bản trang 195 (bản scan đối chiếu)



15

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO NGỤ

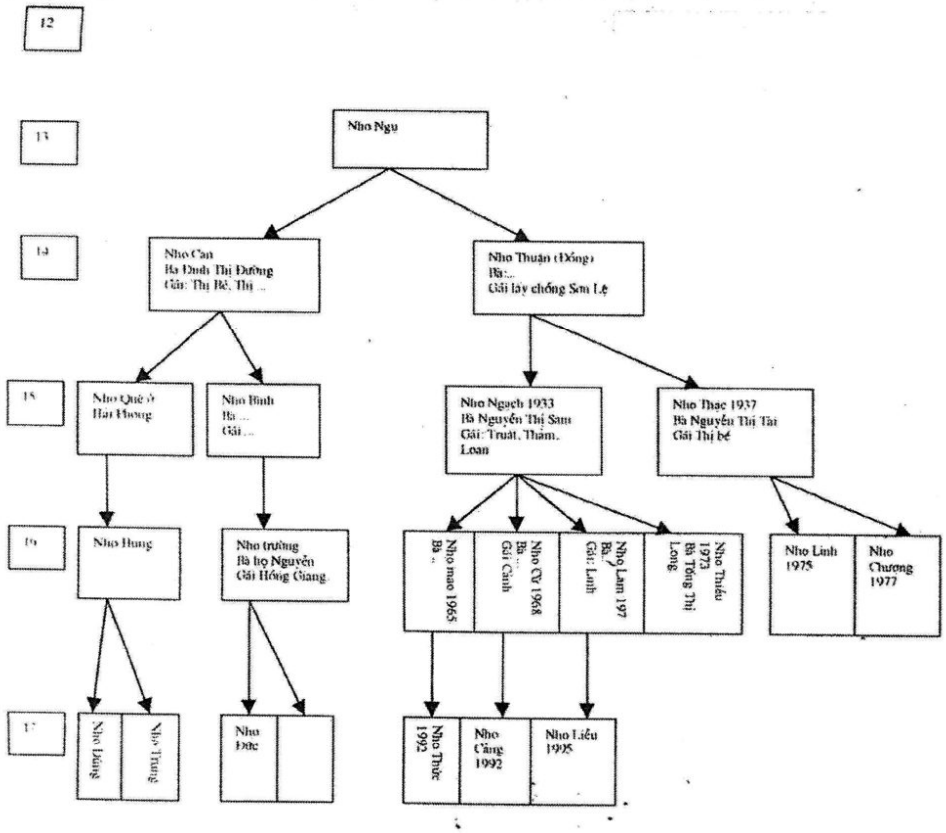
Chi Thứ — Đời 13B đến đời 17B

Nguyên bản: *nhánh Nho Ngụ; ô chữ rõ, có niên đại. Phát triển xuống đời 17.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Ngụ	**Nho Côn** *Bà Đinh Thị Dưỡng; Gái: Thị Bé, Thị…*	**Nho Quê ở Hải Hưng**	**Nho Hưng**	**Nho Đông · Nho Trang**
	Nho Thuận (Đồng) *Bà…; Gái lấy chồng Sơn Lễ*	**Nho Bình (Bà…; Gái…)**	**Nho trưởng (Bà họ Nguyễn; Gái Hồng Giang)**	**Nho Đức**
		Nho Ngạch 1933 (Bà Nguyễn Thị Sửu; Gái: Tuất, Thắm, Loan) · Nho Thực 1937 (Bà Nguyễn Thị Tài; Gái Thị bé)	**Bà · Nho thao 1965 · Nho Cừ 1968 (Gái Chính) · Nho Lan 1971 (Gái Bé) · Nho Thiều 1973 (Bà Tống Thị Long) · Nho Linh 1975 · Nho Chương 1977**	**Nho Thực 1992 · Nho Giảng 1992 · Nho Liễu 1995**

Ghi chú: *trang 196 — nhánh Nho Ngụ; niên đại ghi theo bản scan.*

Nguyên bản trang 196 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO ĐẢN → NHO TÂN

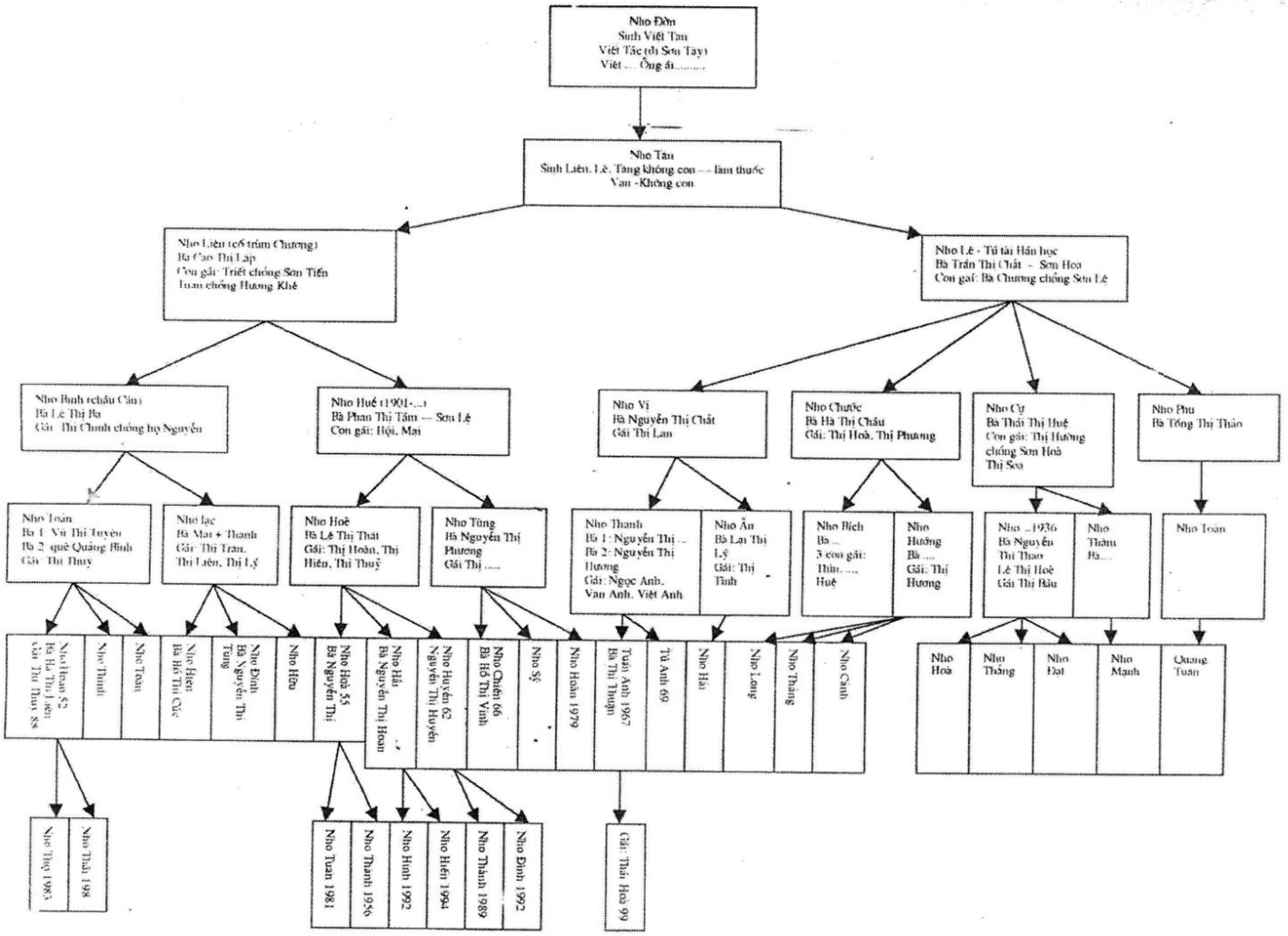
Chi Thứ — đến đời 18B (dòng Nho Bính · Nho Huệ · Nho Vị · Nho Cự)

Nguyên bản: *gốc Nho Đản → Nho Tân, hai nhánh lớn Nho Liên (tổ trùm Chương) và Nho Lê. Ô chữ rõ, nhiều niên đại.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Đản → Nho Tân *Nho Đản: Sinh Viết Tân; Viết Tắc (đi Sơn Tây)…* *Nho Tân: Sinh Liên, Lê, Tăng không con — làm thuốc; Vận - không con*	**Nho Liên (tổ trùm Chương)** *Bà Cao Thị Lập* *Con gái: Triết chồng Sơn Tiên; Toan chồng Hương Khê*	**Nho Bính (chầu Cừ)** *Bà Lê Thị Ba* *Gái: Thị Chanh chồng họ Nguyễn*	**Nho Toàn (Bà 1: Vũ Thị Tuyến; Bà 2: quê Quảng Bình; Gái: Thị Thuý) · Nho Lạc (Bà Mai + Thanh; Gái: Trân, Thị Liên, Thị Lý)**	**Nho Hoàn 52 (Bà Hạ Thị Liên; Gái Thị Thua 88) · Nho Thành · Nho Toàn · Nho Hươu (Bà Hồ Thị Cúc) · Nho Đính (Bà Nguyễn Thị Tùng) · Nho Hoa → Nho Thơ 1985 · Nho Thái 198**	
		Nho Huế (1901-) *Bà Phan Thị Tâm — Sơn Lễ* *Con gái: Hội, Mai*	**Nho Hoê (Bà Lê Thị Thát; Gái: Thị Hoàn, Thị Hiền, Thị Thuỷ) · Nho Tùng (Bà Nguyễn Thị Phương; Gái Thị…)**	**Nho Hải (Bà Nguyễn Thị Hoan) · Nho Hải · Nho Huyện 62 (Bà Hồ Thị Vinh) · Nho Chiến 66 · Nho Sỹ · Nho Hoàn 1979 → Nho Tuấn 1981 · Nho Thanh 1956 · Nho Hinh 1992 · Nho Hiến 1994 · Nho Thanh 1989 · Nho Đính 1992**	
		Nho Vị (Bà Nguyễn Thị Chất; Gái Thị Lan) · Nho Ấn (Bà Lê Thị Lý; Gái: Thị Tịnh)	**Nho Thanh (Bà 1: Nguyễn Thị…; Bà 2: Nguyễn Thị Hương; Gái: Ngọc Anh, Vân Anh, Việt Anh)**	**Tuấn Anh 1967 · Tú Anh 69 · Nho Hải · Nho Long · Nho Thắng · Nho Cảnh · Gái Thái Hoà 99**	
	Nho Lê (Tú tài Hán học) *Bà Trần Thị Chất — Sơn Hoa* *Con gái: Bà Chương chồng Sơn Lễ*	**Nho Chước (Bà Hà Thị Châu; Gái: Thị Hoà, Thị Phương)**	**Nho Bích (Bà…; 3 con gái: Thìn…, Huệ)**	**Nho Hoà · Nho Thông · Nho Đạt · Nho Mạnh · Quang Tuấn**	
		Nho Cự *Bà Thái Thị Huệ* *Con gái: Thị Hương chồng Sơn Hoà; Thị Sơa*	**Nho Hưởng (Bà…; Gái: Thị Hương) · Nho… 1936 (Bà Nguyễn Thị Thao; Lê Thị Hoè; Gái Thị Bầu)**	**đời sau**	
		Nho Phu *Bà Tống Thị Thảo*	**Nho Toàn · Nho Thám (Bà…)**	**đời sau**	

Ghi chú: *trang 197 — dòng tổ trùm Chương, gồm Nho Bính (chầu Cừ); niên đại phong phú, ghi theo bản scan.*

Nguyên bản trang 197 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO ĐẢN → VIỆT TÂN · NHO PHONG

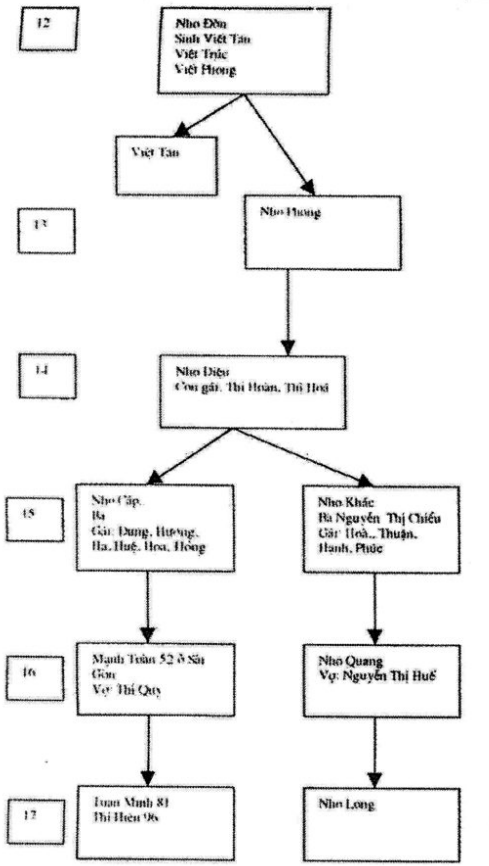
Chi Thứ — Đời 12B đến đời 17B

Nguyên bản: *nhánh ngắn: Nho Đản → Việt Tân / Nho Phong → Nho Diệu → Nho Tập / Nho Khắc.*

ĐỜI 12	ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17
Nho Đản *Sinh Việt Tân* *Việt Trác; Việt Phong*	**Việt Tân · Nho Phong**	**Nho Diệu** *con gái: Thị Hườn, Thị Hồi*	**Nho Tập** *Bà…* *Gái: Dung, Hương, Hà, Huệ, Hoa, Hồng*	**Mạnh Tuấn 52 (ở Sài Gòn; Vợ Thị Quý)**	**Tuấn Minh 81 · Thị Hiền 96**
			Nho Khắc *Bà Nguyễn Thị Chiếu* *Gái: Hoà, Thuận, Hạnh, Phúc*	**Nho Quang (Vợ: Nguyễn Thị Huế)**	**Nho Long**

Ghi chú: *trang 198 — nhánh ngắn; bảng giữ đúng quan hệ cha–con.*

Nguyên bản trang 198 (bản scan đối chiếu)



18

SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

VĂN TRANG · VĂN TOÀN · VĂN LƯƠNG · NHO CHÂN · NHO TRỤ

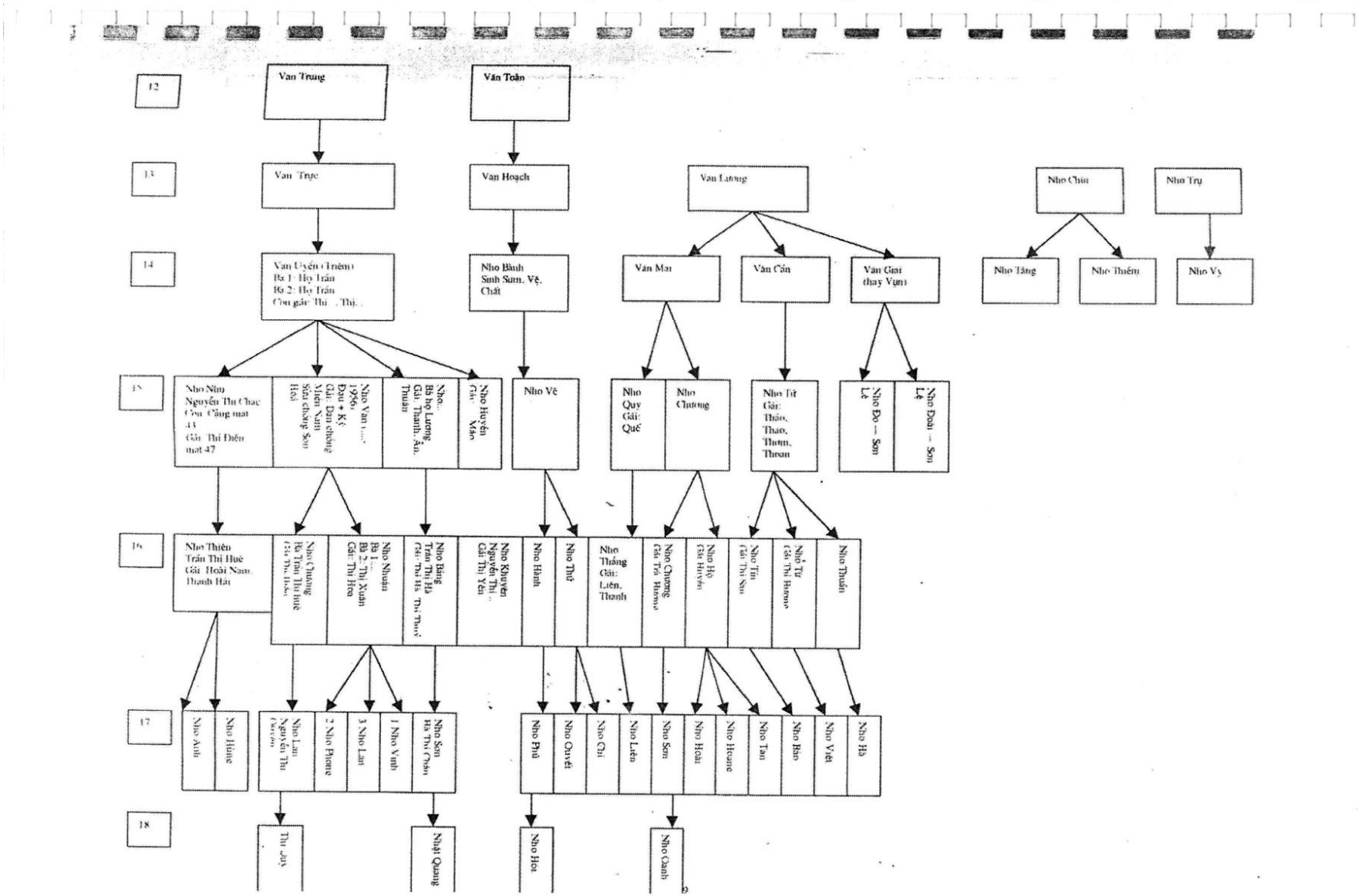
Chi Thứ — Đời 12B đến đời 18B

Nguyên bản: *năm gốc song song ở đời 12, ô chữ rõ; phát triển xuống đời 18.*

<table>
<tr><th>ĐỜI 12</th><th>ĐỜI 13</th><th>ĐỜI 14</th><th>ĐỜI 15</th><th>ĐỜI 16</th><th>ĐỜI 17</th><th>ĐỜI 18</th></tr>
<tr><td rowspan="2">Văn Trang</td><td rowspan="2">Văn Trực</td><td rowspan="2">Văn Uyển (Triêm)
Bà 1 họ Trần; Bà 2 họ Trần
Con gái: Thị…, Thị…</td><td>Nho Như (Nguyễn Thị Chac; con Cảng mất 43; Gái Thị Điển mất 47)</td><td>Nho Thiên
Trần Thị Huế
Gái: Hoài Nam, Thanh Hà</td><td>Nho Anh · Nho Hùng</td><td rowspan="2"></td></tr>
<tr><td>Nho Chương (Bà Trần Thị Huế) · Nho Văn 1956 (Đào + Kỷ) · Nho Bằng (Trần Thị Hà; Gái: Thị Hà, Thị Thuý) · Nho Huyền (Gái: Thị Yên)</td><td colspan="2">Nho Lan (Nguyễn Thị Quyên) 1 con gái; 2 Nho Phong; 3 Nho Lan; 1 Nho Vinh · Nho Sơn (Hà Thị Châu) → Thị Jịt · Nhật Quang</td></tr>
<tr><td>Văn Toàn</td><td>Văn Hoạch</td><td>Nho Bành (Sinh Sam, Vệ, Chất)</td><td>Nho Vệ</td><td colspan="2">Nho Hạnh · Nho Thế</td><td></td></tr>
<tr><td rowspan="2">Văn Lương</td><td>Văn Mai</td><td>Nho Quy (Gái: Quế) · Nho Chương</td><td colspan="2">Nho Thống (Gái: Liên, Thanh) · Nho Chương (Gái: Trú, Hương) · Nho Hộ (Gái Thị Hà)</td><td>Nho Phú · Nho Quyết · Nho Chi · Nho Liễu · Nho Sơn · Nho Hoài · Nho Hoang · Nho Tản · Nho Bão · Nho Việt · Nho Hà → Nho Hoá · Nho Cảnh</td><td></td></tr>
<tr><td>Văn Cẩn · Văn Giai (thay Vụm)</td><td>Nho Tử (Gái: Thảo, Thao, Thơm, Thron) · Nho Đu — Sơn Lễ · Nho Đoài — Sơn Lễ</td><td colspan="2">Nho Tử (Gái Thị Sơn) · Nho Tư (Gái Thị Hươu) · Nho Thuận</td><td>đời sau</td><td></td></tr>
<tr><td>Nho Chân · Nho Trụ</td><td colspan="2">Nho Tăng · Nho Thiêm · Nho Vỹ</td><td>—</td><td colspan="2">—</td><td></td></tr>
</table>

Ghi chú: *trang 199 gồm năm dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

Nguyên bản trang 199 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

VĂN ĐÌNH · VĂN THƯỢC · NHO LAM

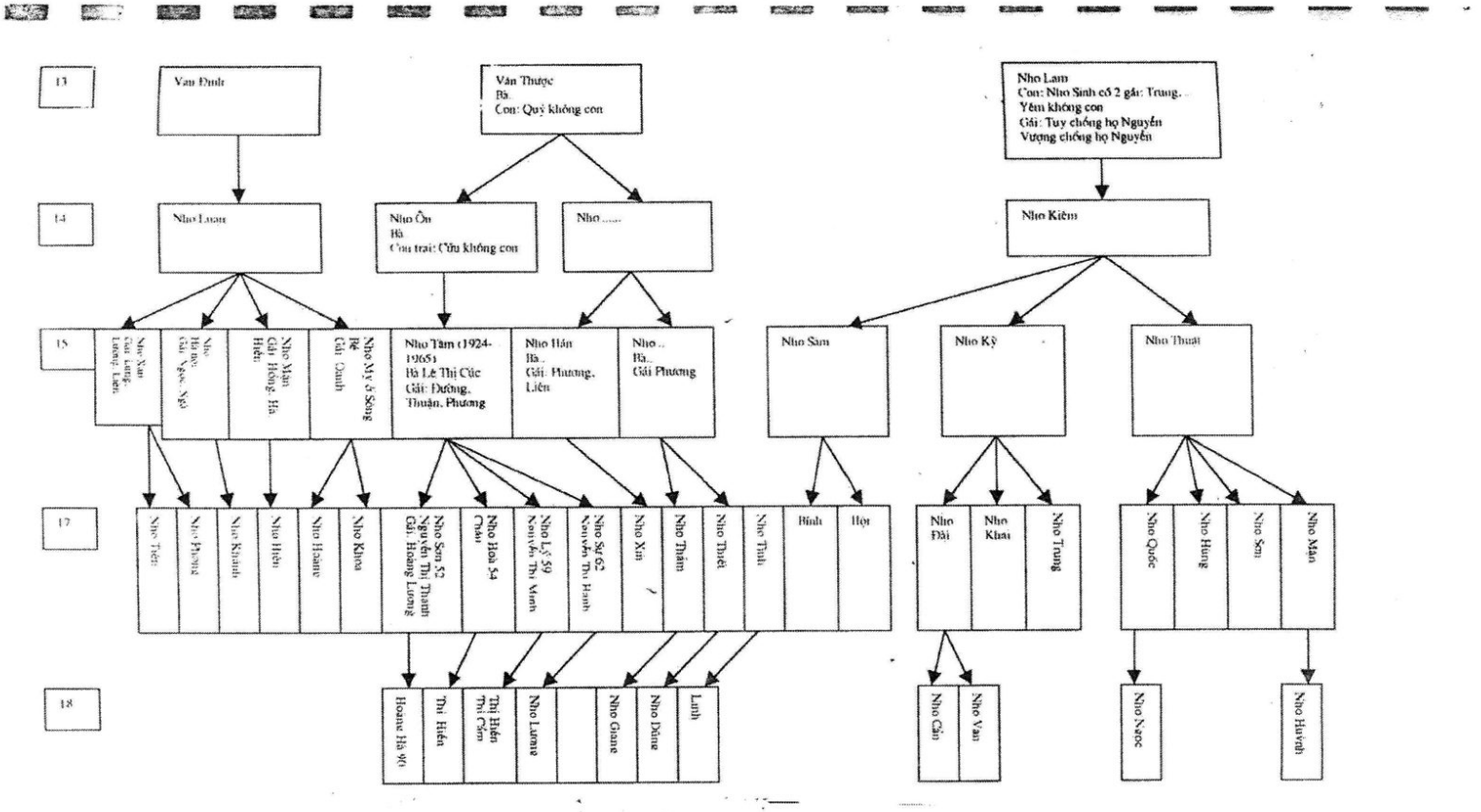
Chi Thứ — Đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *ba gốc song song ở đời 13 (Văn Đình, Văn Thược, Nho Lam), phát triển xuống đời 18.*

ĐỜI 13	ĐỜI 14	ĐỜI 15	ĐỜI 16	ĐỜI 17	ĐỜI 18
Văn Đình	**Nho Lượm**	**Nho Xân (con Long: Lương, Liêu) · Nho Hà nội (Gái: Ngọc, Nga) · Nho Mận (Gái: Hồng, Hạ, Hiền) · Nho Hoàne · Nho Khoa · Nho Mỹ ở Sông Bé Gái: Cảnh**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Kha**	**Nho Quý (Hà + Trận)**	**Hoàng Hà Võ · Thị Hiền · Thị Hiền Thị Cẩm · Nho Lương · Nho Giang · Nho Đông · Linh**
		Nho Tiên (Bà 1: Tiến; Bà 2: Trinh; Gái: Thị Hồng, Thị Sâm, Thị Khau) · Nho… (Bà…; Gái: Thị Dương, Thị Bình, Thị Thảo)	**Nho Hạnh (Bà Nguyễn; Gái Thị Hoà) · Nho Khanh (Bà Lê Thị Phúc) · Nho Quảng (Bà Nguyễn Thị Hoa)**	**Nho Quý Sơn Quang · Nho Minh — Sơn Quang**	**đời sau**
Văn Thược *Bà…; Con: Quý không con*	**Nho Ôn (Bà; Con trai: Cừu không con) · Nho…**	**Nho Tâm (1924-1965; Bà Lê Thị Cúc; Gái: Dưỡng, Thuận, Phương) · Nho Hân (Bà; Gái: Phương, Liễn) · Nho… (Bà; Gái Phương)**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Khoa**	**Nho Sơn 52 (Nguyễn Thị Thuận; Gái: Hoàng Lương) · Nho Hoà 54 (Châu) · Nho Lý 59 (Nguyễn Thị Hạnh) · Nho Sử 62 (Nguyễn Thị Hạnh) · Nho Xân · Nho Thám · Nho Thái**	**Hoàng Hà Võ · Thị Hiền · Thị Hiền Thị Cẩm · Nho Lương · Nho Gang · Nho Đông · Linh**
Nho Lam *Con: Nho Sinh có 2 gái: Trung…; Yêm không con Gái: Tuy chồng họ Nguyễn; Vượng chồng họ Nguyễn*	**Nho Kiêm**	**Nho Xân (con Long: Lương, Liêu) · Nho Sam · Nho Kỳ · Nho Thuật**	**Nho Tiên · Nho Phương · Nho Khánh · Nho Hiếu · Nho Hoane · Nho Kha · Bình · Hột**	**Nho Đài · Nho Khai · Nho Trung · Nho Quốc · Nho Hưng · Nho Sơn · Nho Mận**	**Nho Cải · Nho Văn · Nho Xóc · Nho Hành**
		Nho Sam · Nho Kỳ	**Bình · Hột · Nho Đài · Nho Khai · Nho Trung**	**đời sau**	**đời sau**
		Nho Thuật	**Nho Quốc · Nho Hưng · Nho Sơn · Nho Mận**	**đời sau**	**đời sau**

Ghi chú: *trang 200 (trang sơ đồ in cuối) gồm ba dòng song song; cột đánh số đời rõ.*

Nguyên bản trang 200 (bản scan đối chiếu)



SƠ ĐỒ PHẢ HỆ

NHO CHÂN (chi ô Hải)

Chi Thứ — Sơ đồ chép tay bổ sung, đời 13B đến đời 18B

Nguyên bản: *sơ đồ này được chép tay (bản gốc dọc), bổ sung cho nhánh Nho Chân (chi ô Hải). Trọng tâm là Nho Thái (Ô Cả Hải).*

ĐỜI 13B	ĐỜI 14B	ĐỜI 15B	ĐỜI 16B	ĐỜI 17B	ĐỜI 18B
Nho Chân (chi ô Hải)	Nho Kiêm (chi cụ Thung) *→ sơ đồ khác*	—	—	—	—
	Nho Mỹ (Ô Cả Mỹ) *→ sơ đồ khác*	—	—	—	—
	Nho Thái (Ô Cả Hải)	Nho Bộc *Tham gia Cần Vương, nội dịch ở Lào*	Nho Tiếp (chết sớm) · Nho Đức (chết sớm)	Thị Hội	
		Nho Phở	Thị Sửu · Nho Tiêu · Thị Liễn · Nho Hoài	(con Nho Tiêu) Thị Tuyền, Thị Trang, Thị Lê, Ô Bí, Thị Phương, Thị Diễm, Thị Xuân, Thị Hạnh, Thị Thanh · Văn Tỵ, Thị Thực, Văn Đức, Quốc Việt, Thờ Thư, Nho Thắng, Văn Thái, Thị Thuý, Văn Đông · (con Nho Hoài) Nho Nam, Thanh Hà	
		Nho Thiện	Nho Cảng · Nho Kiều (2 con) · Nho Cử	(con Nho Cảng) Nho Sảo, Nho Hà · (con Nho Cử) Nho Công, Thị Hoa, Nho Minh, Thị Hường	Nho… · Nho Quang · Nho Lâm · Nho Thăng
	Nho Hoà (chi ô Huế) *→ sơ đồ khác*	Nho Thực (Đoản Tế)	Tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục, bị chết ở Côn Đảo	—	
	Nho Kỳ (→ sơ đồ khác)	Nho Phở (Chau Hải)	Bà Hoành · Nho Đài · Bà Dưỡng · Bà Bách	Chỉ Đức · Thị Tứ · Thị Nữ · Chỉ Tài	Thị Linh · Nho Lương · Thị Văn · Thị Tâm

Ghi chú: *trang 229 là sơ đồ chép tay (bản gốc theo chiều dọc), được tái lập theo lưới đời 13B–18B. Ghi chú lịch sử đáng chú ý: Nho Bộc tham gia phong trào Cần Vương; Nho Thực tham gia Đông Kinh Nghĩa Thục và mất ở Côn Đảo. Bản gốc có một dòng ghi chú tay của người soạn phả.*

Nguyên bản trang 229 (bản scan đối chiếu)

